



2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Luôn tiên phong trong việc số hóa các dịch vụ ngân hàng, lấy sự thấu hiểu khách hàng làm nền tảng hoạt động, TPBank vẫn, đang và luôn giữ vững mục tiêu trở thành Ngân hàng số hàng đầu Việt Nam.

Các dịch vụ, sản phẩm ngân hàng số của TPBank ngày càng đa dạng, thân thiện, hướng tới mục tiêu xây dựng phong cách chất lượng dịch vụ ngân hàng hàng đầu, phục vụ không ngừng nghỉ.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các cán bộ nhân viên TPBank luôn tâm niệm sẽ xây dựng TPBank thành một ngân hàng hiệu quả, vững mạnh nhằm mang lại những giá trị bền vững cho cổ đông, cho khách hàng, cho các nhà đầu tư.



Vì chúng tôi hiểu bạn





MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch HĐQT	06 - 07
Tổng quan về TPBank	09 - 23
Hoạt động ngân hàng 2016	24 - 35
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2016	38 - 65
Báo cáo quản trị 2016	66 - 73
Kế hoạch kinh doanh 2017	74 - 81
Hệ thống mạng lưới	82 - 83
Danh sách ngân hàng liên kết	84 - 86



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý vị!

Năm 2017, ngành Tài chính Ngân hàng đã ghi dấu ấn mạnh mẽ với tăng trưởng lợi nhuận trung bình trên 44,5% trong bức tranh toàn cảnh tích cực của nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh đó, TPBank đã có một năm thành công rực rỡ khi vượt tất cả các chỉ tiêu tài chính được Đại hội đồng cổ đông giao phó: mức tăng trưởng 70%, **lợi nhuận đạt 1,206 tỷ đồng**, lần đầu tiên xếp trong nhóm ngân hàng lợi nhuận nghìn tỷ tại Việt Nam.. Trái ngọt đó, không chỉ là công sức của HĐQT, Ban điều hành cùng hàng nghìn con tim và khối óc, mồ hôi và nỗ lực của mỗi cán bộ nhân viên TPBank mà còn là kết quả đến từ sự ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác. Thay mặt HĐQT và Ban điều hành, tôi xin được gửi lời tri ân đến Quý vị.

Trong năm 2017, TPBank đã làm được nhiều việc quan trọng trong việc phát triển nội lực, chào đón cổ đông mới mang theo sức mạnh mới. TPBank tiếp nhận thêm nhà đầu tư ngoại PYN Elite Fund, gia tăng sức mạnh về nguồn vốn ngoại, thể hiện uy tín với các nhà đầu tư. Trong bước tiến dài về ngân hàng số trong thị trường chung, TPBank đã tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ được số hoá, liên kết chặt chẽ từ mPOS, eBank, LiveBank, QuickPay, Savy tới các sản phẩm thẻ năng động và hiện đại đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

Từ khi thành lập cho đến giai đoạn chuyển mình tái cấu trúc và đạt thành quả ngày hôm nay, TPBank đã có một bước đi dài trong sự nghiệp hoạt động, kinh doanh của Ngân hàng. Lần đầu tiên chúng ta được xếp trong Top 10 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam, Top 500 Ngân hàng mạnh nhất Châu Á theo đánh giá độc lập của tổ chức uy tín The Asian Banker. Đây vừa là sự thừa nhận, là thách thức, nhưng cũng là tiền đề để TPBank sẵn sàng cho một năm 2018 tiếp tục "**Tiên Phong thế vươn xa**", chào đón 2 sự kiện quan trọng nhất trong chặng đường phát triển của TPBank, kỉ niệm 10 năm thành lập và niêm yết cổ phiếu lên thị trường chứng khoán.

Kế thừa, phát huy nền tảng và những kinh nghiệm có được của 2017, trên con đường xây dựng một định chế tài chính vững mạnh, TPBank xác định 2018 sẽ là năm của 5 mục tiêu chính: **sản phẩm vượt trội, nghiệp vụ tinh thông, chung sức đồng lòng, kỷ cương, hiệu quả**.

Thực hiện tốt 5 mục tiêu đó, tôi tin tưởng rằng, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành, sự ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác và sự đồng lòng bền bỉ của gần 5.000 CBNV TPBank, chúng ta sẽ tiếp tục bút phá, nắm bắt vận hội mới để sẵn sàng chinh phục những đỉnh cao trong tương lai, vươn tới những tầm cao mới.



Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Đỗ Minh Phú





TỔNG QUAN VỀ TPBANK

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) được thành lập từ ngày 5/5/2008 với các cổ đông chiến lược có kinh nghiệm và tiềm lực tài chính gồm Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI, Tập đoàn Công nghệ FPT, Tổng công ty Tài bảo hiểm Việt Nam (Vinare), Tập đoàn Tài chính SBI Ven Holding Pte. Ltd (Singapore), Công ty Tài chính Quốc tế IFC (thuộc World Bank) và quỹ đầu tư PYN Elite Fund. Từ số vốn ban đầu chỉ hơn 2000 tỷ đồng, TPBank đã phát triển mạnh mẽ với những thành tích kinh doanh xuất sắc và được nhiều lần ghi nhận là một tổ chức tài chính uy tín với danh hiệu Ngân hàng tốt nhất Việt Nam. Đến nay sau gần 10 năm hoạt động, tổng tài sản của TPBank đã đạt trên 124 nghìn tỷ đồng; TPBank đã vươn lên đứng trong hàng ngũ ngân hàng tầm trung với lợi nhuận năm 2017 đạt trên 1,2 nghìn tỷ đồng.

TPBank luôn nỗ lực mang lại các giải pháp, sản phẩm tài chính ngân hàng hiệu quả nhất, hướng tới phân khúc khách hàng trẻ và năng động, mục tiêu là ngân hàng tiên phong trong các xu hướng dịch vụ ngân hàng hiện đại và mục tiêu trở thành Ngân hàng số số một tại Việt Nam. Với nền tảng công nghệ sẵn có, TPBank có nhiều lợi thế trong việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào xử lý tự động các dịch vụ ngân hàng, phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử dựa trên nền tảng công nghệ cao. Không gian giao dịch công nghệ số cùng các dịch vụ: TPBank eBank, eBank Biz, TPBank QuickPay... đã, đang và sẽ tiếp tục thu hút đông đảo khách hàng bằng sự tiện lợi, nhanh chóng, an toàn, hiệu quả, tạo thói quen thanh toán không dùng tiền mặt cho đông đảo khách hàng. TPBank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đưa vào hoạt động thành công mô hình Ngân hàng tự động 24/7 TPBank LiveBank, cho phép khách hàng có thể thực hiện gần như đầy đủ các giao dịch cơ bản tại một chi nhánh và đặc biệt, có thể tương tác với tư vấn viên từ xa thông qua video call và đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ người sử dụng. Năm 2017, TPBank cũng ra mắt ứng dụng TPBank QuickPay - ứng dụng chuyển tiền bằng điện thoại thông qua mã QR, mang lại nhiều tiện ích cho mọi lứa tuổi khách hàng.

Với những nỗ lực đó, TPBank đã nhận được các phần thưởng xứng đáng: Bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội, nhận giải thưởng Ngân hàng có Sản phẩm cho vay mua ô tô tốt nhất Việt Nam, giải Thương hiệu mạnh Việt Nam, giải Ngân hàng số tốt nhất và Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam... Năm 2017, TPBank được The Asian Banker đánh giá là 1 trong 10 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam và Vietnam Report đánh giá thuộc top 50 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam.

Với tuyên ngôn thương hiệu "Vi chúng tôi hiểu bạn", TPBank mong muốn lấy nền tảng của "sự thấu hiểu" khách hàng để xây dựng phong cách chất lượng dịch vụ ngân hàng hàng đầu. Hiểu để sẻ chia, hiểu để cùng đồng hành với khách hàng, để sáng tạo ra những sản phẩm dịch vụ tốt nhất và phù hợp nhất đem lại những giá trị gia tăng cao nhất cho khách hàng. Đó cũng chính là kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững mà TPBank hướng đến.

Ông Đỗ Minh Phú
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Minh Phú được bầu vào vị trí Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) nhiệm kỳ 2013-2018. Ông Phú là người sáng lập Tập đoàn Vàng bạc đá quý DOJI – Doanh nghiệp tư nhân số 1 Việt Nam trong bảng xếp hạng VNR500. Ngoài ra ông Phú còn đảm nhiệm vai trò Phó Chủ tịch – Hiệp hội Kinh doanh Vàng Việt Nam; Ủy viên Ban chấp hành – Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI và Đại sứ Hiệp hội Đá quý Quốc tế tại Việt Nam.

Với những thành tích và đóng góp xuất sắc cho nền kinh tế và xã hội, ông Đỗ Minh Phú vinh dự được các Lãnh đạo cao cấp của Nhà nước, Chính phủ tặng nhiều Huân chương và Bằng khen như:

Huân chương Lao động hạng Ba (2014 và 2013); Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc triển khai Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015”; Bằng khen của Thống đốc NHNN vì “Đã có thành tích đóng góp cho Hoạt động Ngân hàng Việt Nam” (năm 2013 – 2014 - 2015). Cúp Thánh Gióng trao tặng “100 Doanh nhân tiêu biểu năm 2010 và năm 2016”.

Ông Đỗ Minh Phú là cử nhân Đại Học Bách khoa Hà Nội khoa Vô tuyến Điện tử.





Ông Đỗ Anh Tú
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Anh Tú được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch HĐQT TPBank nhiệm kỳ 2013-2018. Hiện ông Tú đồng thời là Tổng giám đốc Công ty CP Diana thuộc Tập đoàn Unicharm, Nhật Bản. Là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực quản trị thương hiệu và marketing, ông Tú đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và nâng cao vị thế thương hiệu của Ngân hàng, đưa thương hiệu TPBank trở nên quen thuộc với đại chúng như ngày nay.

Năm 2013, Ông Tú đã vinh dự được nhận Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho những thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015"; Bằng khen của Thống đốc NHNN vì "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng" (năm 2014 - 2015). Ông Tú đã bảo vệ thành công Luận án Phó Tiến sĩ tại Đại học Kỹ thuật Praha, Cộng hòa Séc.

[HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ]

Ông Lê Quang Tiến
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quang Tiến được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch HĐQT TPBank nhiệm kỳ 2013-2018. Hiện ông Tiến đồng thời là thành viên Hội đồng sáng lập FPT.

Năm 2013, ông Tiến vinh dự được nhận Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho những thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015"; Bằng khen của Thống đốc NHNN vì "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng" (năm 2014 - 2015). Ông Tiến tốt nghiệp khoa Vật lý, ĐH tổng hợp Kishinev State University và khoa Quản trị Kinh doanh Cao cấp tại Đại học Amos Tuck (Hoa Kỳ).





Bà Nguyễn Thu Hà
Ủy viên Hội đồng Quản trị độc lập

Bà Nguyễn Thu Hà được bổ nhiệm vào vị trí Ủy viên Hội đồng Quản trị độc lập của TPBank nhiệm kỳ 2013-2018.
Bà Nguyễn Thu Hà hiện đồng thời là thành viên HĐQT độc lập của Công ty cổ phần dịch vụ thẻ Smartlink.
Trước đây, bà Nguyễn Thu Hà từng đảm nhận các vị trí quan trọng như: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Chủ tịch Công ty chứng khoán Vietcombank, Chủ tịch Hội Thẻ Ngân hàng Việt Nam thuộc Hiệp hội ngân hàng Việt Nam.
Bà Nguyễn Thu Hà là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Georgetown, Washington DC, Hoa Kỳ.

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Shuzo Shikata
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Shuzo Shikata được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch HĐQT của TPBank từ tháng 04/2016, nhiệm kỳ 2013 - 2018. Hiện ông giữ chức vụ Trưởng phòng phát triển kinh doanh dịch vụ tài chính nước ngoài của Tập đoàn SBI Holding, Inc và đồng thời đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT của công ty cổ phần quản lý quỹ FPT.
Với kinh nghiệm quản trị tiên tiến và hiện đại tại các ngân hàng nước ngoài, ông Shuzo Shikata cùng Tập đoàn SBI Holdings, Inc., hiện đang hỗ trợ tích cực cho Ngân hàng Tiên Phong trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển ngân hàng.
Ông Shuzo Shikata tốt nghiệp cử nhân Kinh Tế, Trường Đại học Ritsumeikan, Nhật Bản.





Ông Phan Tuấn Anh
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông Phan Tuấn Anh được bổ nhiệm vào vị trí Ủy viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018.
Ông Phan Tuấn Anh hiện là Trưởng Ban Tài chính, Tổng Công ty viễn thông MobiFone.
Ông Phan Tuấn Anh là Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

Ông Phạm Công Tú
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Công Tú tham gia vào HĐQT TPBank từ những ngày đầu thành lập.
Ông Tú là một chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực tài chính và bảo hiểm. Hiện nay, ông Phạm Công Tú đang là Tổng Giám đốc Tổng công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (Vinare).
Ông Tú là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Học viện Kinh doanh, Vương quốc Bỉ và Cử nhân Tài chính - Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán, Hà Nội.

Ông Ha Hong Sik
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông Ha Hong Sik được bổ nhiệm là Ủy viên HĐQT của TPBank từ tháng 4/2015.
Ông Ha Hong Sik đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và đã đảm nhiệm những chức vụ quan trọng tại một số tổ chức tín dụng như Giám đốc điều hành Ngân hàng Thương mại Phnom Penh; Giám đốc tác nghiệp/ Tổng giám đốc Công ty chứng khoán Hoàng gia SBI. Từ tháng 10/2010, ông là Cố vấn Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT.
Ông Ha Hong Sik tốt nghiệp Thạc Sĩ tại trường Manchester Business, UK và tốt nghiệp cử nhân Quan Hệ Quốc Tế tại Đại học Gyeongsang, Hàn Quốc.



BAN KIỂM SOÁT

Ông Kento Tokimori

Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách

Ông Kento Tokimori được bổ nhiệm vào vị trí thành viên không chuyên trách ban kiểm soát từ tháng 4/2016, nhiệm kỳ 2013 - 2018.

Trước khi gia nhập TPBank, ông Kento Tokimori đang đảm nhiệm nhiều chức vụ tại tập đoàn SBI Holdings. Hiện nay, ông đang giữ chức vụ trưởng phòng quản lý hoạt động kinh doanh nước ngoài tại SBI Holdings (Nhật Bản). Ông Kento Tokimori là cử nhân Trường Đại học Shophia – Nhật bản, chuyên ngành Luật.

Bà Nguyễn Thị Bảo

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bảo được bổ nhiệm vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018.

Bà Nguyễn Thị Bảo là Cố vấn cao cấp Hội đồng Quản trị TPBank từ tháng 4/2012. Trước đây bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Trưởng phòng Thẩm định đầu tư và chứng khoán của Vietcombank.

Bà Nguyễn Thị Bảo là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Tự do Bruxelles Vương quốc Bỉ tại Hà Nội.

Ông Thái Duy Nghĩa

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Thái Duy Nghĩa được bầu là Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018.

Ông Thái Duy Nghĩa gia nhập TPBank từ tháng 06/2008 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ và Quản lý chất lượng, Trưởng phòng kiểm soát trực tiếp, Phó trưởng ban Kiểm toán nội bộ. Hiện tại ông đang là thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát, Ngân hàng Tiên Phong.

Ông tốt nghiệp khoa Tài chính – Tín dụng, Học viện Ngân hàng.



BAN ĐIỀU HÀNH

- Ông **Nguyễn Hưng**
Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Hưng có gần 30 năm kinh nghiệm kinh doanh và quản lý cấp cao trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Ông đã tốt nghiệp Học viện Ngân hàng và có bằng MBA chuyên ngành Thương mại điện tử của North Central University, Hoa Kỳ. Ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) từ ngày 04/07/2012. Trước đó, ông Nguyễn Hưng đã từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng như: Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) từ 04/2009 đến 06/2012, và các chức vụ quản lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2009. Với những đóng góp quan trọng trong việc đưa TPBank trở thành một ngân hàng lớn mạnh, hoạt động hiệu quả hàng đầu hiện nay, ông Nguyễn Hưng đã được Thống đốc NHNN Việt Nam 2 lần tặng Bằng khen về các thành tích xuất sắc trong hoạt động ngân hàng.

- Bà **Bùi Thị Thanh Hương**
Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc chiến lược

Bà Bùi Thị Thanh Hương gia nhập TPBank từ tháng 09/2012 với vị trí Giám đốc khối Tài chính và được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Tài chính từ tháng 09/2014. Từ tháng 7/2017 đến nay, bà Bùi Thị Thanh Hương là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chiến lược. Trước đó, Bà Hương đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức khác như: Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài Chính, Kế toán trưởng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank). Kiểm toán viên - Công ty dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC), Bộ Tài chính. Bà Hương là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) - Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG); có Chứng chỉ CPA Úc; Chứng chỉ CPA Việt Nam và tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân khoa Kế toán - Kiểm toán.

- Ông **Phạm Đông Anh**
Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Vận hành

Ông Phạm Đông Anh gia nhập Ngân hàng năm 2007 từ những ngày đầu trụ bị thành lập Ngân hàng. Năm 2010, ông Đông Anh được bổ nhiệm Giám đốc Cao cấp phụ trách Nghiệp vụ. Tháng 04/2011, ông Đông Anh được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Nghiệp vụ, Khối Nguồn lực và Phát triển Mạng lưới. Từ tháng 8/2012 đến nay, ông Đông Anh là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Vận hành. Tháng 9/2014, ông Phạm Đông Anh đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012-2013". Tốt nghiệp Khoa Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân và khoa Tiếng Anh, Đại học Hà Nội, trước khi gia nhập TPBank, ông Đông Anh đã có 14 năm làm việc tại Ngân hàng VID Public Bank với các vị trí Quản lý Cấp cao như: Giám đốc Chi nhánh VID Public Bank Hải Phòng, Giám đốc Sở Giao dịch VID Public Bank Hà Nội.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Đinh Văn Chiến
Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân

Ông Đinh Văn Chiến giữ vị trí Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân của TPBank từ tháng 12/2013. Từ tháng 4/2016, ông Chiến được bổ nhiệm chức danh Phó TGD phụ trách Khối Ngân hàng Cá nhân.

Trước khi gia nhập TPBank, ông Chiến có bề dày hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực Tài chính Ngân hàng và Marketing, đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại các tổ chức trong nước và quốc tế như: Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ, Giám đốc Dự án Thẻ Visa/ Master tại Vietcombank; Giám đốc Marketing tại Công ty Johnson & Johnson Việt Nam; Quản lý cao cấp tại Ngân hàng OCBC (Singapore) mảng Dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân toàn cầu; Giám đốc Trung tâm Phát triển Sản phẩm thuộc Khối Ngân hàng bán lẻ tại VPBank từ năm 2011.

Năm 2015, ông Chiến đã vinh dự được nhận Bằng khen của Thống đốc NHNN vì "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng" (năm 2014 - 2015).

Ông Chiến là Cử nhân Đại học Ngoại thương; Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại trường ĐH Notre Dame, Indiana, Hoa Kỳ theo chương trình học bổng Fulbright.



Ông Nguyễn Hồng Quân
Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Quản trị rủi ro

Ông Nguyễn Hồng Quân được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro của TPBank từ ngày 01/02/2012. Trước khi gia nhập TPBank, ông Quân đã có 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong các ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư. Ông từng là Giám đốc Quản trị Rủi ro, Phó Giám đốc về Tuân thủ và Kiểm soát nội bộ, Citibank Việt Nam; Quyền Tổng Giám đốc Công ty Chứng Khoán An Bình.

Ông Quân là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh cao cấp (EMBA) tại Học viện Công nghệ Châu Á (AIT). Trước đó, ông tốt nghiệp ngành Thương mại Quốc tế, Đại học Ngoại Thương Hà Nội và là Kỹ sư Kinh tế, khoa Kinh tế Vận tải, Đại học Giao thông Hà Nội.



Ông Nguyễn Hữu Thanh

Giám đốc Khối Pháp chế và Xử lý nợ

Ông Nguyễn Hữu Thanh gia nhập TPBank từ tháng 5/2011, được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối Pháp chế và Xử lý nợ từ tháng 5/2015.

Ông Thanh có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Pháp chế ngân hàng. Trước khi gia nhập TPBank, ông Thanh từng làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Trung ương, sau đó giữ vị trí Phó phòng Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ tại Techcombank.

Ông Thanh là Thạc sỹ Luật, Viện Nhà nước và Pháp luật – Hà Nội; Thạc sỹ Chính sách công, Đại học Tsukuba - Nhật Bản.

Ông Nguyễn Việt Anh

Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính

Ông Nguyễn Việt Anh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 03/2011. Ông Việt Anh là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Tổng hợp bang Washington, Hoa Kỳ. Trước đó, ông tốt nghiệp Đại học Quốc gia Hà Nội và Học viện Quan hệ Quốc tế.

Trước khi tham gia TPBank, ông Việt Anh đã có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại Techcombank và đảm nhiệm các vị trí quan trọng như: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Nguồn vốn và Giao dịch Thị trường Tài chính; Tổng Giám đốc công ty Quản lý quỹ Kỹ Thương; Giám đốc Trung tâm Ngoại hối và Sản phẩm Phái sinh; Giám đốc Trung tâm Giao dịch Hàng hóa và Quản lý Sàn Giao dịch; Trưởng Phòng Quản lý và Kinh doanh Tiền tệ, Ngoại hối.

Ông Khúc Văn Họa

Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Ngân hàng doanh nghiệp

Ông Khúc Văn Họa được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh Phân phối từ ngày 15/9/2012. Từ tháng 6/2015, ông Họa được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Ngân hàng doanh nghiệp. Ông Họa là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trung tâm Pháp Việt đào tạo về Quản lý (CFVG). Trước khi gia nhập TPBank, ông Họa từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) và Ngân hàng Quân Đội (MB) như: Phó Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, Giám đốc Trung tâm tín dụng SME, Giám đốc Vùng của Techcombank, Phó Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn của MB.

BAN ĐIỀU HÀNH



Bà Trương Thị Hoàng Lan

Giám đốc Khối Đầu tư và Khách hàng doanh nghiệp lớn

Bà Trương Thị Hoàng Lan gia nhập TPBank từ tháng 02/2011. Trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao tại TPBank, bà Hoàng Lan được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối Đầu tư và Ngân hàng Lưu ký từ tháng 5/2015. Đến tháng 12/2016, bà Hoàng Lan được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối Đầu tư và Khách hàng Doanh nghiệp lớn.

Tháng 09/2014, Bà Trương Thị Hoàng Lan đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012-2013".

Bà Hoàng Lan đã có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng. Trước khi gia nhập TPBank, bà từng giữ vị trí Tổng Giám đốc Công ty chứng khoán Việt Tín.

Bà Hoàng Lan là cử nhân ngành Khoa học quản lý tại Đại học Thăng Long.

Ông Lê Hồng Nam

Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Tín dụng

Ông Lê Hồng Nam gia nhập TPBank từ năm 2009 với vị trí Giám đốc chi nhánh TP. HCM. Từ tháng 03/2012, ông Nam được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực phía Nam; sau đó được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng. Tốt nghiệp Thạc sỹ, chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng, ông Nam có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng và đã đảm nhiệm những chức vụ quan trọng tại các tổ chức tín dụng như: Trưởng phòng Tín dụng & Đầu tư Hội sở, Ngân hàng Liên doanh ShinhanVina; Giám đốc Chi nhánh TP. HCM, Ngân hàng Dầu khí Toàn Cầu (GPBank); Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông.

Năm 2016, ông Nam đã vinh dự được nhận Bằng khen của Thống đốc NHNN vì "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng" (năm 2014 - 2015).



Ông Nguyễn Xuân Thanh

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

Ông Nguyễn Xuân Thanh gia nhập TPBank từ tháng 06/2014 với vị trí Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực. Trước đó, ông Thanh đã có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị nguồn Nhân lực tại Techcombank và VPBank ở các vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhân sự, Giám đốc Đào tạo. Gần đây nhất, ông Thanh giữ chức vụ Giám đốc Nhân sự tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank). Ông Thanh là Cử nhân Kinh tế Lao động, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông Nguyễn Lâm Hoàng

Giám đốc Khối Bán trực tiếp

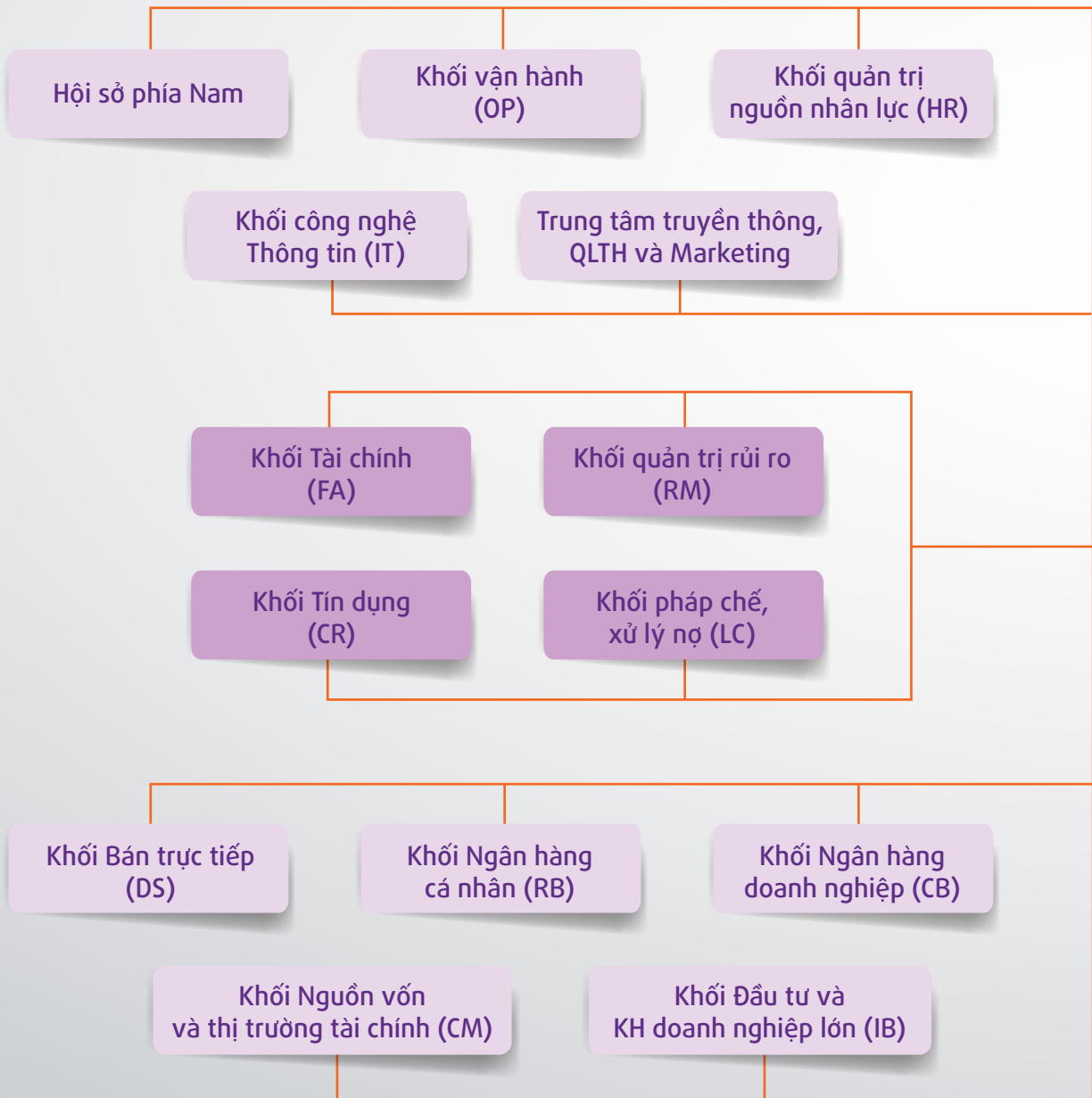
Ông Nguyễn Lâm Hoàng được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Bán trực tiếp và Kênh thay thế từ ngày 04/12/2013. Trước đó, ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng tại Techcombank như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp; Giám đốc Bán lẻ miền Bắc thuộc Khối Dịch vụ khách hàng Tài chính cá nhân; Trưởng Dự án SSP miền Bắc kiêm Phó Giám đốc Trung tâm SSE, Khối S&D; Giám đốc Trung tâm Bán, Khối S&D. Ông Hoàng tốt nghiệp Đại học Kinh Tế Quốc Dân – Khoa Ngân Hàng Tài Chính; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA), Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG).

Ông Bùi Quang Cường

Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Ông Bùi Quang Cường gia nhập Ngân hàng từ thời gian trụ bị thành lập Ngân hàng, tháng 05/2007. Ông Cường từng giữ các chức vụ quan trọng như: Giám đốc Trung tâm CNTT, Quyền Giám đốc Trung tâm Thẻ và Ngân hàng Điện tử của TPBank. Hiện tại, ông Cường đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin (CNTT). Tháng 9/2014, ông Bùi Quang Cường vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân “Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012-2013”. Ông Cường có 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và CNTT. Trước khi gia nhập TPBank, ông từng đảm nhiệm các vị trí như Giám đốc Trung tâm phần mềm, Công ty 3C; Trưởng phòng tin học, Ngân hàng VID Public Bank. Ông Cường là Cử nhân Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

[SƠ ĐỒ TỔ CHỨC]





Đại hội đồng Cổ đông (AGM)

Hội đồng Quản trị (BOD)

Tổng Giám đốc (CEO)

Ban Kiểm soát (BOS)

Trung tâm kiểm toán nội bộ (IA)

Uỷ ban Điều hành (EXCO)

Uỷ ban Nhân sự (NORCO)

Uỷ ban Quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO)

Uỷ ban Quản trị rủi ro (ARCO)

Uỷ ban Tín dụng (CRCO)

Uỷ ban Đầu tư (INCO)

Các Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh



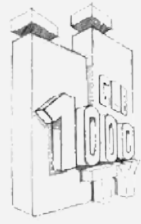
GTMX	0.45	▲	+0.45%
FTR	-0.23	▼	-2.31%
CSCO	-1.01	▼	-1.89%
CHK	0.02	▲	+0.21%
AAPL	+2.58	▲	+3.05%
PRTO	-0.12	▼	-1.42%

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

2017



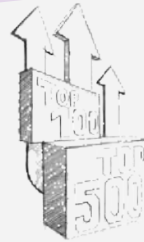
10 SỰ KIỆN NỔI BẬT



01

TPBank ra nhập CLB lợi nhuận trên 1000 tỷ.

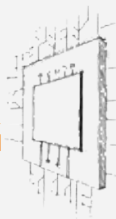
TPBank đã đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu tài chính 2017 được ĐHCĐ giao phó, Lợi nhuận đạt 155% kế hoạch được giao; Tổng tài sản trên 124k tỷ, nợ xấu 0,92% trong nhóm tốt nhất thị trường.



02

TPBank vào top 10 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam; Top 500 Ngân hàng mạnh nhất Châu Á do The Asian Banker đánh giá

DIGITAL BANKING



03

Giải thưởng Ngân hàng số xuất sắc nhất VN do IDG và HHNH VN bình chọn



04

Ra mắt và triển khai rộng rãi điểm giao dịch tự động 24/7 LiveBank hiện đại nhất Việt Nam, mới nhất trên thế giới và được chấp thuận áp dụng eKYC



05

Quỹ PYN chi gần 40 triệu USD để nắm giữ 4,99% cổ phần của TPBank đánh dấu thành công của TPBank trên thị trường trong nước và quốc tế.



10

Bài hát chính thức "TPBank vươn tới đỉnh cao" ra mắt và công bố Bộ quy tắc ứng xử áp dụng trong toàn Ngân hàng



09

TPBank đi đầu trong việc ứng dụng Fintech, ra mắt hàng loạt các sản phẩm đột phá như Savy, QuickPay, ePIN



08

TPBank đưa đội tuyển Việt Nam vượt qua gần 40 quốc gia vô địch giải Golf nghiệp dư thế giới WAGC



07

Sự kiện Top Leader Talk với sự dẫn dắt của Chủ tịch HĐQT Đỗ Minh Phú trước hàng ngàn CBNV đã truyền cảm hứng và niềm tin trong toàn hàng. Chủ tịch Đỗ Minh Phú công bố tiếp tục dẫn dắt TPBank trong cương vị Chủ tịch Ngân hàng.



06

Ra mắt ứng dụng trí tuệ nhân tạo chatbot T'Aio



TPBank

Vì chúng tôi hiểu bạn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG 2017

I. TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2017

1. BỐI CẢNH KINH TẾ CHUNG

Kinh tế thế giới năm 2017 đã phục hồi mạnh mẽ, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan.

Nền kinh tế Việt Nam cũng ghi nhận sự tăng trưởng kỷ lục nhất trong vòng 10 năm qua ở mức 7,65%, tăng trưởng GDP lên mức 6,81%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Tỷ lệ lạm phát được kiểm soát tốt dưới 4%.

2. HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2017

Hoạt động ngân hàng trong năm 2017 có nhiều chuyển biến tích cực, quy mô huy động vốn, tài sản, dư nợ tín dụng cho nền kinh tế tăng trưởng mạnh. Tính đến thời điểm cuối năm 2017, tổng phương tiện thanh toán tăng 14,19% so với cuối năm 2016, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 14,5%, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 18,17%. Mặc dù có sự chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động vốn nhưng thanh khoản của hệ thống ngân hàng vẫn ở mức ổn định.

Lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng, 4,3%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng, 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng, kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn, 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Về tỷ giá và thị trường ngoại hối, năm 2017 là một năm tỷ giá "lặng sóng". Mặc dù có những biến động nhất định vào thời điểm đầu năm, nhưng 2017 được xem là năm thị trường ngoại tệ cũng như tỷ giá duy trì mức ổn định. Trong năm 2017, tỷ giá trung tâm mới chỉ tăng 1,21% so với đầu năm (ở mức 22.426 đồng) trong khi giá USD tại các ngân hàng thương mại lại giảm nhẹ 0,18%, phổ biến quanh mức 22.680-22.750 đồng. Bất chấp lộ trình tăng lãi suất của FED, việc USD giảm giá mạnh so với các đồng tiền chủ chốt khác được xem là yếu tố tích cực đối với sự ổn định của thị trường ngoại tệ.

Với TPBank, hoạt động năm 2017 được đánh giá là một năm bản lề với kết quả kinh doanh vượt mốc lợi nhuận 1.200 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, mở đường cho mục tiêu phát triển các năm tiếp theo. Các chỉ tiêu tài chính đều vượt kế hoạch đã đề ra, chi phí hoạt động và nợ xấu được kiểm soát tốt so với mức chung toàn ngành, tăng trưởng huy động, tín dụng đạt kết quả tốt, đặc biệt là chỉ tiêu huy động, các chỉ tiêu an toàn hoạt động luôn tuân thủ quy định của NHNN và yêu cầu của các đối tác.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2017

1. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU 2017

Bảng 1: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

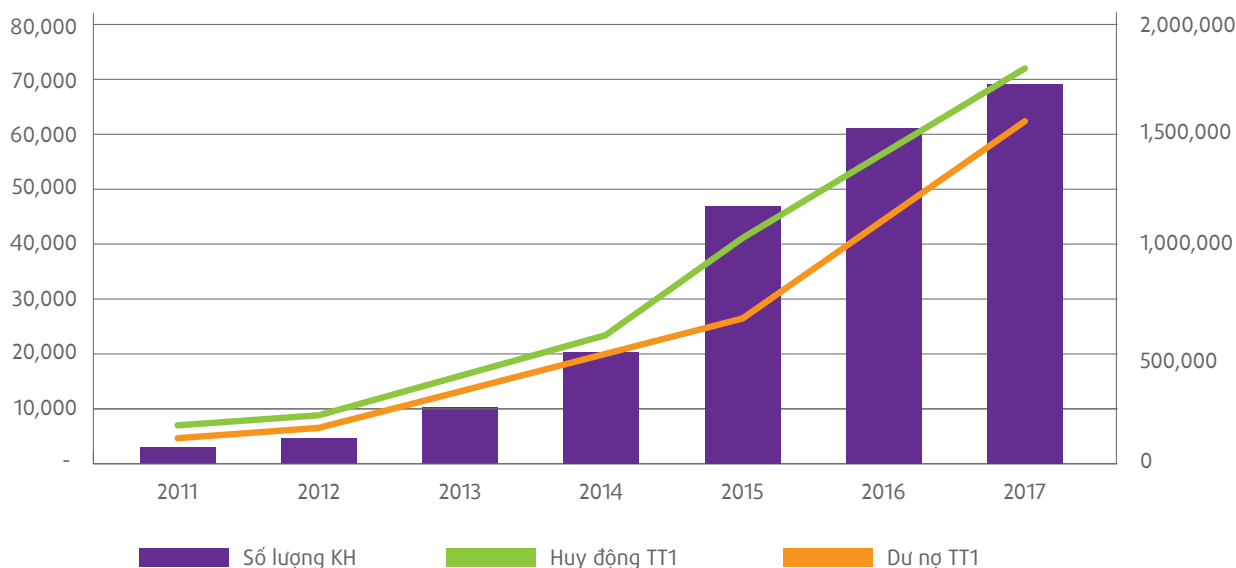
Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Kế hoạch 2017	Tăng trưởng năm 2017 so với 2016 (%)	So với kế hoạch	
						+/-	%
1	Tổng tài sản	105.782	124.119	120.000	17,33%	4.119	3,43%
2	Vốn điều lệ	5.842	5.842	5.842	0,00%	(0)	0,00%
3	Tổng huy động	97.539	114.669	111.068	17,56%	3.601	3,24%
	3.1 Tiền gửi khách hàng	55.082	73.780	62.597	33,95%	11.183	17,86%
	3.2 Tiền gửi & vay của TCTD khác	41.245	38.261	46.834	-7,23%	(8.573)	-18,5%
	3.3 Vốn tài trợ ủy thác	1.212	2.628	1.637	116,83%	991	60,54%
4	Dư nợ cho vay và trái phiếu TCKT	58.523	71.296	69.056	21,83%	2.240	3,24%
	4.1 Cho vay khách hàng	47.326	64.007	58.676	35,25%	5.331	9,09%
	4.2 Đầu tư trái phiếu TCKT	11.197	7.289	10.380	-34,90%	(3.091)	-29,78%
5	Tỷ lệ nợ xấu	0,70%	1,08%	<2%	0,38%		
6	Lợi nhuận trước thuế	707	1.206	780	70,54%	426	54,58%
7	CAR	>9%	>9%	>9%			
8	ROE	12,08%	15,6%	12,5%	29%	3,1%	25%

Tổng tài sản của TPBank đến 31/12/2017 đạt 124.119 tỷ đồng, đạt 103,43% so với kế hoạch năm. Mặc dù tổng tài sản chỉ tăng 17,33% nhưng lợi nhuận của ngân hàng đã tăng hơn 70% so với năm 2016 và vượt gần 55% kế hoạch để ra cho thấy hoạt động hiệu quả ấn tượng của TPBank. Tổng huy động cuối năm 2017 đạt 114.669 tỷ đồng, trong đó, cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn cũng có sự thay đổi về chất khi huy động thị trường 1 đạt 73.780 tỷ đồng, tăng gần 34% so với năm 2016 và giúp giảm tỷ lệ đi vay và huy động thị trường 2 từ 42% năm 2016 xuống còn 33% năm 2017. Tổng dư nợ (bao gồm cả TPDN) tăng trưởng tốt đạt mức 71.296 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay khách hàng là 64.007 tỷ đồng. Tỷ lệ LDR riêng thị trường 1 đã giảm xuống 97% và tỷ lệ LDR chung chỉ là 62%, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn cuối năm 2017 là 27%. Bên cạnh đó các chỉ số và tỷ lệ an toàn có sự cải thiện hết sức tích cực, luôn đảm bảo theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước. Chất lượng nợ tiếp tục được duy trì mức thấp, tỷ lệ nợ xấu là 1,08% tại thời điểm cuối năm 2017, trong đó thực chất tỷ lệ nợ xấu chỉ có 0,86% còn lại là nợ xấu kéo theo do phân loại lại theo nhóm nợ cao nhất của khách hàng tại Ngân hàng khác.

Tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2017 của TPBank đạt 3.610 tỷ đồng trong đó thu nhập lãi thuần đạt 3.172 tỷ đồng (chiếm 87,9%), thu nhập thuần ngoài lãi đạt 437 tỷ đồng (chiếm 12,1%). Lợi nhuận trước DPRR tín dụng đạt 1.668 tỷ đồng. Năm 2017 ngân hàng đã trích lập 462 tỷ đồng DPRR trong đó dự phòng cho vay khách hàng 307 tỷ đồng và 155 tỷ đồng dự phòng cho các trái phiếu VAMC.

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 của Ngân hàng đạt 1.206 tỷ đồng, đạt 154,58% so với kế hoạch cả năm trình ĐHCĐ.



Biểu 1: Xu hướng huy động, dư nợ TT1 và số lượng khách hàng qua các năm

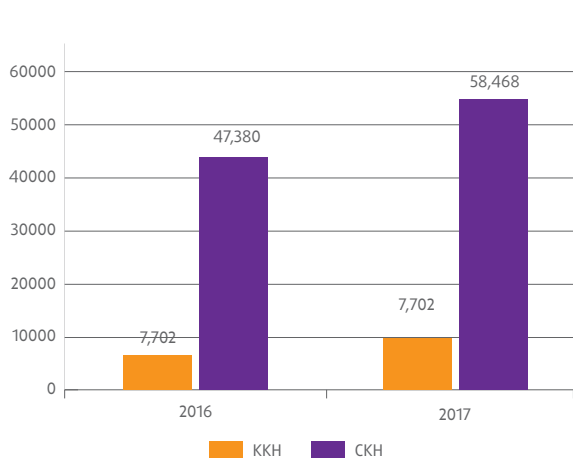
Tính đến cuối năm 2017 quy mô tổng tài sản đạt 124.119 tỷ đồng tăng 18.337 tỷ đồng so với cuối năm 2016, trong đó: Huy động TT1 tăng 18.698 tỷ đồng tương ứng tăng 33,95%, cho vay TT1 tăng 16.681 tỷ đồng tương đương tăng 35,25%. Cơ sở khách hàng tiếp tục được mở rộng, số lượng khách hàng mở mới trong năm là 197.755 khách, đạt trên 1.715.600 khách hàng. Đây là nền tảng quan trọng để TPBank tiếp tục phát triển trong những năm tới.

2. KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

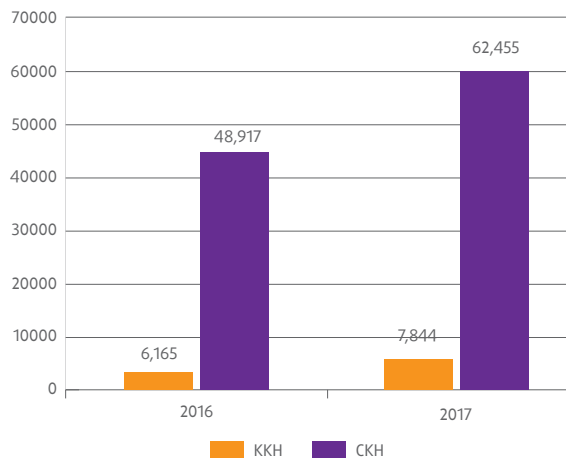
2.1 Hoạt động huy động vốn

Huy động từ khách hàng năm 2017 đạt 70.299 tỷ đồng, tăng 27,63% so với năm 2016. Trong đó: Tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng đạt ~ 11.830 tỷ đồng (chiếm 16,83%); Huy động bằng ngoại tệ đạt 7.844 tỷ đồng, tăng 1.679 tỷ đồng (27,23%) so cuối năm trước (chiếm 11,16%). Đặc biệt, trong năm 2017 TPBank duy trì một định hướng huy động hiệu quả và định vị TPBank là một ngân hàng hoạt động an toàn với mức lãi suất huy động các kỳ hạn chỉ ở mức trung bình của thị trường.

TPBank đã triển khai thêm các sản phẩm mới phong phú và đáp ứng đa dạng các nhu cầu ngày một phát triển của khách hàng cùng với các chương trình khuyến mại huy động được triển khai.



Biểu 2: Cơ cấu huy động theo kỳ hạn



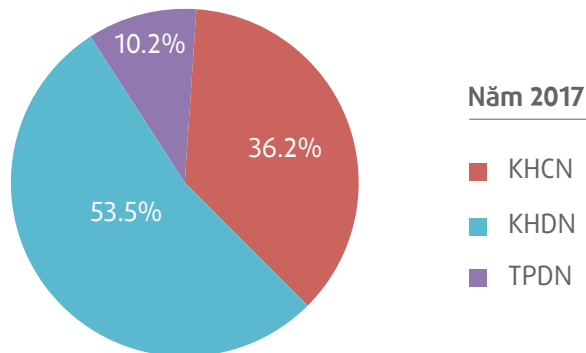
Biểu 3: Cơ cấu huy động theo loại tiền

2.2 Hoạt động sử dụng vốn

2.2.1 Hoạt động tín dụng

Chính sách tín dụng được TPBank xây dựng bám sát hoạt động tín dụng theo định hướng chiến lược của ngân hàng đã phát huy tác dụng trong việc cải thiện quy trình cấp tín dụng và thẩm định tài sản tại TPBank trong thời gian qua.

Dư nợ tín dụng thị trường 1 đến cuối năm 2017 toàn hàng đạt 71.296 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay khách hàng đạt 64.007 tỷ đồng, trái phiếu doanh nghiệp đạt 7.289 tỷ đồng.



Biểu 4: Hoạt động cho vay năm 2017

Đối với phân khúc Khách hàng cá nhân, ngoài việc tiếp tục phát triển vững mạnh các lĩnh vực cho vay chủ đạo, các Khối kinh doanh đã nắm bắt được những cơ hội trên thị trường để tăng trưởng dư nợ, gia tăng lợi nhuận và thị phần cho Ngân hàng. Trong năm 2017, TPBank cũng cho ra mắt nhiều sản phẩm mới phục vụ các đối tượng, phân khúc khách hàng khác nhau. TPBank kết nối, triển khai hợp tác thành công với nhiều đối tác mới nhằm tăng trưởng doanh số bán hàng. Về cho vay mua ô tô tiếp tục duy trì và giữ vững vị thế dẫn đầu về cho vay xe trên thị trường.

Phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp có tăng trưởng dư nợ tốt, ngoài sản phẩm cho vay mua xe ô tô KHDN đã và đang triển khai thành công, còn có thêm sản phẩm cho vay nhanh đã bắt đầu ghi dấu ấn cho một số chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi cho ĐVKD tiếp cận và cấp tín dụng cho các DN trong các ngành này... Bên cạnh đó TPBank còn đẩy mạnh hoạt động cấp tín dụng ngoại bảng, thu nhập ngoài lãi tăng trưởng tốt, tập trung xây mới và cải tiến rất nhiều sản phẩm, trong đó có một số sản phẩm chủ đạo như: Bảo lãnh; LC/ LC UPAS;... được đánh giá là cạnh tranh tốt trên thị trường. Qua đó góp phần nâng cao sức cạnh tranh của TPBank .

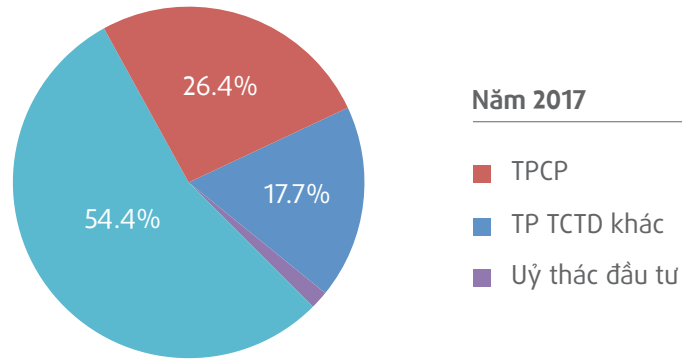
Những nỗ lực trong việc xử lý nợ xấu tồn đọng và tăng trưởng tín dụng có chất lượng tốt đã giúp cho chất lượng tín dụng tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ nợ xấu là 1,08% tại thời điểm cuối năm 2017.

2.2.2 Hoạt động đầu tư, kinh doanh ngoại tệ và vàng

Danh mục đầu tư của TPBank được quản lý theo hướng đảm bảo khả năng sinh lời, khả năng thanh khoản và tuân thủ đúng quy định của NHNN.

Tính đến 31/12/2017, tổng đầu tư vào TPCP và trái phiếu các TCTD khác đạt 18.328 tỷ đồng, nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản của ngân hàng, cũng như đa dạng hóa cơ cấu danh mục đầu tư. Ngay từ đầu năm, Khối Nguồn vốn đã có những những chiến lược tốt khi đã mạnh dạn tăng hạn mức trading, tăng tối đa kỳ hạn trading nên đạt kết quả kinh doanh khả quan. TPBank tiếp tục là thành viên được xếp hạng cao trong số các thành viên đầu thầu sơ cấp của Bộ Tài chính năm 2017, là thành viên giao dịch tích cực TPCP, TPCP Bảo lãnh trên thị trường thứ cấp.

Tiền gửi CKH, cho vay tại các TCTD khác đạt 22.590 tỷ đồng. Nhìn chung, năm 2017 thanh khoản trên Thị trường Liên ngân hàng dồi dào, mặt bằng lãi suất thấp (đặc biệt quý 3 và quý 4/2017), do đó TPBank đã sử dụng hiệu quả các hạn mức được cấp từ các Định chế tài chính trong và ngoài nước. Đây là kênh có đóng góp đáng kể thu nhập hoạt động thuần cho ngân hàng trong năm 2017.



Biểu 5: Cơ cấu đầu tư năm 2017

Năm 2017, TPBank đã đẩy mạnh được hoạt động của mảng kinh doanh vàng và ngoại tệ, doanh số ngoại hối tiếp tục tăng trưởng tốt với 3 lần lọt vào top 20 với doanh số ngoại hối của phân khúc khách hàng cá nhân có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Doanh số vàng tiếp tục nằm trong top 3 Thị phần

2.2.3 Hoạt động định chế tài chính (FI)

- Mở rộng nhiều hạn mức và quan hệ với các ĐCTC (Định chế Tài chính) trong nước và nước ngoài, đặc biệt là hạn mức với ĐCTC nước ngoài tăng, góp phần tăng khả năng huy động vốn tạo lợi nhuận và đảm bảo thanh khoản của Ngân hàng.
- Tham gia được các dự án nguồn vốn tài trợ phát triển từ các tổ chức quốc tế để tận dụng các cơ hội về hỗ trợ kỹ thuật, tài trợ nguồn vốn cho TPBank.
- Thực hiện thành công các khoản vay thương mại có giá trị lớn từ các ĐCTC quốc tế, gia tăng được hạn mức tài trợ thương mại đáp ứng khối lượng giao dịch tài trợ thương mại tăng đột biến của Ngân hàng năm 2017.
- Năm 2017, TPBank tiếp tục giữ được mức xếp hạng tín nhiệm B2 bởi Moody's, triển vọng ổn định, tạo dựng hình ảnh vững mạnh, ổn định của TPBank trên thị trường trong và ngoài nước.

2.3 Hoạt động quản lý rủi ro

Hệ thống quản trị rủi ro trong năm 2017 của TPBank tiếp tục được phát huy và đẩy mạnh, tỷ lệ nợ xấu dưới mức kế hoạch, không phát sinh các tổn thất vận hành và các sự kiện rủi ro tiềm tàng nằm trong mức chấp nhận được, các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động được duy trì và ngày càng được cải thiện.

Một số nội dung cơ bản đã được triển khai liên quan đến nâng cao năng lực quản trị rủi ro vận hành như: Vận hành các công cụ quản lý rủi ro vận hành định hướng theo Basel 2 như Loss Data Collection, Key Risk Indicators qua đó nhận diện các rủi ro trọng yếu phát sinh và đề xuất biện pháp xử lý các rủi ro này; Xây dựng phương án duy trì kinh doanh liên tục cho các ĐVKD trên toàn hệ thống; Ghi nhận và phân tích các sự cố gián đoạn kinh doanh, kiến nghị và theo dõi việc thực hiện các biện pháp khắc phục để tránh sự cố lặp lại tại TPBank. Thường xuyên theo dõi việc thực hiện các biện pháp khắc phục, phòng ngừa rủi ro; Thúc đẩy quá trình thực hiện.

TPBank luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định về đảm bảo an toàn vốn của NHNN và cam kết với các đối tác nước ngoài. Cụ thể tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu luôn được duy trì ở mức trên mức 9%, Tỷ lệ giữa tổng tài sản có thanh toán ngay và tổng nợ phải trả luôn được duy trì ở mức trên 10% (quy định của NHNN không dưới 10%), tỷ lệ thanh toán nhanh duy trì trên 12% (quy định không dưới 10%), tỷ lệ thanh toán trong 30 ngày tiếp theo của từng loại tiền luôn duy trì trên 50% đối với VNĐ, trên 10% đối với ngoại tệ quy đổi sang VNĐ theo đúng quy định của NHNN, Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn luôn được duy trì ở mức thấp hơn 50% rất nhiều.

2.4 Hoạt động của các Khối, đơn vị hỗ trợ

2.4.1 Công tác nhân sự và đào tạo:

Tổng số CBNV của toàn hệ thống tới 31/12/2017 là 4.848 người, tăng 40% so với cuối năm 2016, trong đó chủ yếu là tăng lực lượng cán bộ bán hàng và nhân sự cho các chi nhánh mới.

TPBank đã đẩy mạnh hoạt động tuyển dụng trên toàn hệ thống tuyển đủ nhu cầu nhân sự cho các đơn vị trong năm và nguồn nhân sự cho các Chi nhánh/ đơn vị được mở mới trong năm 2018.

Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh lương và phúc lợi cho CBCNV toàn hệ thống nhằm nâng cao tính cạnh tranh, thu hút và giữ chân nhân sự, đã xây dựng và hoàn thiện cơ chế Incentive cho cán bộ bán hàng cũng như nhiều chức danh gián tiếp, giúp tăng năng suất lao động và tăng động lực tốt cho CBNV.

Trong năm 2017 đã thực hiện 551 khóa đào tạo với 17.751 lượt CBNV, tăng so với năm 2016 là 221 khóa đào tạo và 6.971 lượt CBNV tham gia đào tạo.

Trung tâm đào tạo phối hợp với các Khối định kỳ rà soát toàn bộ chương trình đào tạo, điều chỉnh về nội dung và thời lượng hợp lý hơn, chất lượng học viên đào tạo đã được nâng cao và đáp ứng được yêu cầu công việc tại các đơn vị kinh doanh.

2.4.2 Lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT):

Với mục tiêu khẳng định tên tuổi Ngân hàng Số của TPBank, năm 2017, Khối CNTT đã triển khai và đưa vào sử dụng nhiều dự án công nghệ lớn đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Ngân hàng; Chủ động nghiên cứu và đưa vào ứng dụng những công nghệ, tính năng mới giúp tăng năng suất, tạo sự khác biệt trong vận hành cũng như sản phẩm của TPBank; Tăng cường an ninh an toàn thông tin, đầu tư công nghệ nâng cấp hệ thống an ninh bảo mật; Vận hành hệ thống ổn định, an toàn, tiết kiệm chi phí vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Cụ thể:

- Triển khai thành công dự án eBank Doanh nghiệp 3.0 cung cấp nhiều tính năng, sản phẩm mới cho khách hàng đặc biệt là việc tích hợp chữ ký số.
- Triển khai thành công dự án hệ thống khởi tạo khoản vay - LOS phase 1, qua đó từng bước chuẩn hóa, tự động hóa việc phê duyệt cho vay khách hàng cá nhân giảm thời gian xử lý giao dịch.
- Ra mắt giải pháp điểm giao dịch tự động LiveBank (VTM) giúp khách hàng có một kênh tiếp cận dịch vụ mới, tăng cường trải nghiệm số và thời gian phục vụ 24/7.
- Hoàn thành dự án eGold online, khách hàng có thể mua và bán vàng thông qua kênh trực tuyến, nhanh chóng thuận tiện, an toàn, giảm thiểu việc sử dụng tiền mặt.
- Triển khai thành công dự án ESB Phase 1 giúp cho việc kết nối dịch vụ của TPBank được chuẩn hóa trong thiết kế, vận hành và quản trị, khả năng tái sử dụng cao, rút ngắn thời gian triển khai các dự án.
- Triển khai thành công dự án ePIN đầu tiên ở Việt Nam giúp cho khách hàng nhanh chóng thay đổi PIN thời gian tính bằng phút thay vì mất nhiều ngày như trước đây, tiết kiệm chi phí in ấn, chuyển phát, nâng cao chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của khách hàng.
- Triển khai 3D-Secure trong đó TPBank chủ động phối hợp trong việc xây dựng giải pháp thay vì mua hoàn toàn của đối tác và đồng nhất các phương thức xác thực với eBank thay vì chỉ nhận tin SMS như các ngân hàng khác.
- Tự nghiên cứu, tích hợp và triển khai thành công thiết bị mPOS 3G thế hệ mới và hệ thống mPOS app mới, giúp tiếp kiệm tới 60% chi phí mua thiết bị so với POS 3G thông thường, hỗ trợ thanh toán thẻ không tiếp xúc, tương thích với Samsung Pay.
- Xây dựng và triển khai thành công phần mềm TPBScan hỗ trợ công việc việc số hóa chứng từ tại quầy nhanh chóng và thuận lợi, tối ưu được việc sử dụng đường truyền.
- Triển khai Qlik, với các dashboard công nghệ mới, hỗ trợ hiệu quả thông tin quản trị đa chiều cho lãnh đạo.
- Triển khai thành công dự án eCounter trên toàn hàng, giúp cho khách hàng có những trải nghiệm mới khi đến giao dịch với TPBank.

- Ra mắt sản phẩm mới QuickPay thanh toán bằng mã QR với nhiều tính năng đột phá là công cụ cho việc phát triển nhanh khách hàng, hỗ trợ cho việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt theo định hướng của NHNN.
- Triển khai thành công dự án tự động hóa tra cứu CIC, đây là công nghệ robot hóa, giúp tiết kiệm chi phí, hạn chế trùng lặp tra cứu, giảm thời gian phản hồi kết quả cho các đơn vị.
- Triển khai 2 phương thức xác thực mới là OTP Push Notification và OTP Display Card, trong đó OTP Display Card là sản phẩm OTP mới đầu tiên có mặt tại VN.
- Triển khai thành công dự án ISO 20000, TPBank trở thành ngân hàng đầu tiên ở VN được cấp chứng chỉ về quản lý chất lượng dịch vụ CNTT theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Triển khai nhiều dự án khác hỗ trợ việc phát triển sản phẩm mới và kết nối giao dịch với nhiều đối tác.

2.4.3 Phát triển sản phẩm, khách hàng

Năm 2017, ngân hàng tiếp tục triển khai nhiều chương trình, sản phẩm dịch vụ đa dạng, phục vụ cho các phân khúc khách hàng khác nhau:

- Khách hàng cá nhân: Phân tích tệp khách hàng hiện hữu để nhận diện các phân khúc khách hàng tiềm năng cho công tác khai thác bán chéo. Thiết lập bộ sản phẩm đáp ứng 6 nhóm nhu cầu khách hàng bao gồm: Tài khoản - Giao dịch; Tiền gửi; Vay vốn; Thẻ tín dụng; Bảo hiểm và Đầu tư. Triển khai thêm các sản phẩm mới phong phú và đáp ứng đa dạng các nhu cầu ngày một phát triển của khách hàng (Huy động, Cho vay – đặc biệt là cho vay tín chấp, Thẻ Cash Free, Thẻ prepaid,...)
 - Triển khai sản phẩm Bancass mới, triển khai sản phẩm mới nhằm tăng thu nhập từ dịch vụ, đáp ứng toàn diện hơn nhu cầu của khách hàng bằng việc triển khai liên tục các chương trình phát triển khách hàng, liên kết đối tác, khuyến mại và thúc đẩy bán.
 - Về sản phẩm thẻ bổ sung nhiều tính năng mới cho thẻ bao gồm: 3D Secure; Trả góp; Digital PIN; Loyalty....Ra mắt các sản phẩm mới: Thẻ Visa Debit Cash Free & Thẻ ảo trả trước.
 - Phát triển và đưa ra các sản phẩm Ngân hàng số, ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng Ngân hàng số hàng đầu Việt Nam của TPBank (Qpay, Savy,...). Là Ngân hàng đi đầu về ứng dụng Fintech vào hoạt động kinh doanh.
- Khách hàng doanh nghiệp: Bám sát nhu cầu của khách hàng, Ngân hàng đã ban hành hàng loạt các sản phẩm cơ bản, cốt lõi, mang tính cạnh tranh cao. Các chương trình thúc đẩy bán cũng như chiến dịch marketing phát triển khách hàng, chăm sóc khách hàng cũng đã được triển khai mạnh mẽ. Trong năm 2017, TPBank hoàn thành đưa phiên bản Ebank Biz 3.0 golive với nhiều tính năng mới vượt trội trên thị trường như Chuyển tiền Quốc tế Online; Giao dịch tín dụng; Bảo lãnh; LC qua eBank; Ứng dụng chữ ký số vào eBank để xác nhận giao dịch và ký hồ sơ, tiếp tục mở rộng các kết nối đối tác, cung ứng các dịch vụ thanh toán online thuận tiện cho khách hàng như: Thanh toán thuế hải quan 24/7; Dịch vụ thanh toán cước cảng biển; Dịch vụ eBank phát triển riêng cho một số khách hàng lớn; Nâng cấp chuyển tiền lô (trả lương trên eBank); Nâng cấp SMS OTP cho eBank BIZ; Triển khai thẻ OTP Token Card cho eBank BIZ...

2.4.4 Phát triển mạng lưới

Tính đến 31/12/2017, tổng số máy ATM+ (live Bank) đã hoạt động trên toàn quốc là 48 máy tại Hà Nội, Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành. TPBank đã thực hiện khai trương hoạt động 1 văn phòng đại diện tại TP HCM, 1 chi nhánh tại Kiên Giang; 2 Phòng Giao dịch tại các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai. Tính đến 31/12/2017, mạng lưới chi nhánh của TPBank đã phủ khắp cả 3 miền với 64 điểm giao dịch. Các đơn vị mới đều có trụ sở đặt tại các khu vực tập trung, đông dân cư với nhận diện nổi bật và đều sớm kinh doanh có hiệu quả.

2.4.5 Giải thưởng, bình chọn 2017

Tháng 1/2017	TPBank được The Asian Banker lựa chọn là ngân hàng duy nhất nhận giải thưởng “Ngân hàng có Sản phẩm cho vay mua ô tô tốt nhất Việt Nam” – “Best Auto Loan Product in Vietnam” năm 2017
Tháng 4/2017	TPBank nhận giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam do VNEconomy phối hợp với Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công thương) tổ chức.
Tháng 5/2017	Tạp chí tài chính Global Financial Market Review (GFM) trao giải thưởng về Ngân hàng số tốt nhất và Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam cho TPBank.
Tháng 6/2017	Đại diện tạp chí uy tín The Asian Banker (TAB) trao giải thưởng Lãnh đạo trẻ xuất sắc Việt Nam cho ông Nguyễn Việt Anh - Phó TGD TPBank.
Tháng 8/2017	TPBank vinh dự nhận cờ thi đua và bằng khen Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua “Thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2016” do UBND TP Hà Nội trao tặng
Tháng 10/2017	TPBank nằm trong nhóm 50 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam theo báo cáo của Vietnam Report.
Tháng 11/2017	TPBank lọt top 10 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam theo đánh giá của The Asian Banker.
Tháng 12/2017	TPBank được bình chọn giải thưởng “Best Digital Banking Award - Ngân hàng số xuất sắc nhất 2017” do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tổ chức bình chọn.

3. CÁC HẠN CHẾ, TỒN TẠI CẦN KHẮC PHỤC

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, các hoạt động của TPBank năm 2017 vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục và cải thiện, cụ thể:

3.1 Đối với hoạt động kinh doanh

- Cần tăng cường khả năng khai thác sâu khách hàng, xác định các sản phẩm có thể bán để tiếp tục khai thác tiềm năng của khách. Triển khai các đội bán, các hoạt động bán các sản phẩm mạnh mẽ hơn, có trọng tâm hơn.
- Do tác động của chính sách, hoạt động huy động tiền gửi thấp hơn so với kỳ vọng do phải tập trung vào huy động hiệu quả, ưu tiên các kỳ hạn dài tạo nguồn vốn trung dài hạn cho hoạt động cho vay.
- Tuổi nợ của danh mục cho vay tăng lên nên số lượng khoản nợ xấu có khả năng sẽ tăng, do vậy cần tiếp tục kiểm soát để đảm bảo chất lượng tín dụng.
- Chi phí hoạt động quản lý vẫn còn cao, cần cải thiện tích cực trong thời gian tới.

3.2 Công tác nhân sự

- Công tác tuyển dụng: Việc thu hút chuyên viên có kinh nghiệm ít nhiều gặp khó khăn, cần phải làm tốt hơn trong năm 2018.
- Quan hệ lao động: Việc phát triển nhân sự với nhóm cán bộ đã có kinh nghiệm (Chuyên viên/chuyên chính) trong nội bộ Ngân hàng phải làm tốt hơn, tăng tỷ lệ sàng lọc và bổ nhiệm từ nguồn nội bộ thay vì phải tuyển dụng từ bên ngoài.
- Đào tạo: Cần làm tốt hơn công tác gắn kết hoạt động đào tạo và việc quy hoạch và phát triển nhân sự trong nội bộ.

TPBank tự hào nhận giải thưởng

NGÂN HÀNG BÁN LẺ
TỐT NHẤT VIỆT NAM
LIÊN TỤC 3 NĂM 2015-2016-2017

"Best Retail Bank Vietnam 2017"

GLOBAL FINANCIAL
MARKET REVIEW



TPBank

Vi chúng tôi hiểu bạn

TPBank

TỰ HÀO NHẬN GIẢI THƯỞNG

**NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ
TỐT NHẤT**

BEST INTERNET BANKING PRODUCT

NĂM 2017



THE ASIAN BANKER
VIETNAM COUNTRY AWARDS 2017

BEST INTERNET BANKING PRODUCT

 **TPBank**
Vi chúng tôi hiểu bạn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 2017



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”); tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (gọi tắt là “TPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập vào ngày 05 tháng 5 năm 2008 theo Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giấy phép thành lập của Ngân hàng được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo Quyết định số 2132/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 9 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng được đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 vào ngày 04 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cho phép.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng TMCP Tiên Phong có trụ sở chính đặt tại Tòa nhà TPBank, số 57 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh, ba mươi (30) chi nhánh và ba mươi tư (34) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày hết nhiệm kỳ
Ông Đỗ Minh Phú	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Đỗ Anh Tú	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Shuzo Shikata	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2016)
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên độc lập	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Phạm Công Tú	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Phan Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Kento Tokimori	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Ông Ha Hong Sik	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày hết nhiệm kỳ
Bà Nguyễn Thị Bảo	Trưởng ban kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Thái Duy Nghĩa	Thành viên chuyên trách	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Tomohiro Yamaguchi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017)

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Điều hành và Kế toán trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 7 năm 2012) (Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2017)
Ông Phạm Đông Anh	Phó Tổng giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2011) (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2017)
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2011) (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2017)
Ông Nguyễn Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2012) (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2017)
Ông Lê Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2012) (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2017)
Ông Khúc Văn Họa	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2012) (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2017)
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2014) (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2017)
Ông Đinh Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016)
Bà Lê Cẩm Tú	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc	(Theo Giấy ủy quyền số 111/2012/QĐ-TPB.HĐQT của Chủ tịch HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2012)
-----------------	---------------	---

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (gọi tắt là "Ngân hàng") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
ngày 15 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 433/vn1A - HN - BC

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 15 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 13 tháng 3 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 15 tháng 01 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Hồng Dương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán số 2393-2015-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm triệu VND</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại) triệu VND</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2	1.176.978	815.148
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	3	2.364.130	1.362.317
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	4	22.589.779	23.784.661
Tiền gửi tại các TCTD khác		22.189.779	19.237.389
Cho vay các TCTD khác		400.000	4.547.272
Dự phòng rủi ro		-	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	29.149
Cho vay khách hàng		62.747.997	46.233.626
Cho vay khách hàng	5	63.422.643	46.642.977
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	6	(674.646)	(409.351)
Hoạt động mua nợ		580.054	677.530
Mua nợ		584.605	682.805
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(4.551)	(5.275)
Chứng khoán đầu tư	7	25.465.002	29.882.518
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		24.938.137	29.175.883
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		994.187	1.019.638
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(467.322)	(313.003)
Tài sản cố định		250.772	144.374
Tài sản cố định hữu hình		174.892	100.386
<i>Nguyên giá TSCĐ</i>		<i>355.912</i>	<i>239.253</i>
<i>Khấu hao TSCĐ</i>		<i>(181.020)</i>	<i>(138.867)</i>
Tài sản cố định vô hình		75.880	43.988

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm (trình bày lại) triệu VND
Nguyên giá TSCĐ		162.708	103.947
Hao mòn TSCĐ		(86.828)	(59.959)
Tài sản Có khác		8.944.035	3.381.792
Các khoản phải thu		6.469.536	1.768.738
Các khoản lãi, phí phải thu		1.271.770	1.310.216
Tài sản Có khác		1.239.829	1.191.527
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(37.100)	(888.689)
TỔNG TÀI SẢN		124.118.747	106.311.115

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm triệu VND</i>	<i>Số đầu năm (trình bày lại) triệu VND</i>
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	8	1.082.224	1.500.282
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	9	38.261.461	41.245.247
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		27.758.930	24.734.800
Vay các tổ chức tín dụng khác		10.502.531	16.510.447
Tiền gửi của khách hàng	10	70.298.586	55.082.028
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		84.351	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	11	2.628.210	1.211.925
Phát hành giấy tờ có giá	12	3.481.154	-
Các khoản nợ khác		1.606.044	1.590.147
Các khoản lãi, phí phải trả		1.134.311	857.986
Các khoản phải trả và công nợ khác		471.733	732.161
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		117.442.030	100.629.629
VỐN VÀ CÁC QUỸ	13	6.676.717	5.681.486
Vốn của TCTD		5.552.176	5.040.125
Vốn điều lệ		5.842.105	5.842.105
Thặng dư vốn cổ phần		(234.446)	(718.828)
Cổ phiếu quỹ		(55.483)	(83.152)
Quỹ của TCTD		160.932	76.150
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		963.609	565.211
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		124.118.747	106.311.115

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
1. Cam kết giao dịch hối đoái		56.615.400	34.490.811
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		438.336	2.507.665
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		440.045	2.529.796
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		55.737.019	29.453.350
2. Cam kết trong nghiệp vụ LC		886.466	1.554.894
3. Bảo lãnh khác		7.321.529	5.361.860
4. Các cam kết khác		4.876.244	5.716.000

Người lập



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam,
Ngày 15 tháng 1 năm 2018

Người kiểm soát



Bà Bùi Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám Đốc

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm triệu VND</i>	<i>Số đầu năm triệu VND</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	14	7.324.605	5.173.686
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	15	(4.152.181)	(3.052.861)
Thu nhập lãi thuần		3.172.424	2.120.825
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		280.878	146.317
Chi phí hoạt động dịch vụ		(115.815)	(60.199)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	16	165.063	86.118
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	17	10.248	57.972
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	18	222.633	46.260
Thu nhập từ hoạt động khác		45.421	5.482
Chi phí hoạt động khác		(6.063)	(7.792)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác	19	39.358	(2.310)
Chi phí hoạt động	20	(1.941.603)	(1.330.576)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.668.123	978.289
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(462.412)	(271.735)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		1.205.711	706.554
Chi phí thuế TNDN hiện hành		(242.102)	(141.343)
CHI PHÍ THUẾ TNDN		(242.102)	(141.343)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		963.609	565.211
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)		1.717	1.004

Người lập



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam,
Ngày 15 tháng 1 năm 2018

Người kiểm soát



Bà Bùi Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám Đốc

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm triệu VND</i>	<i>Số đầu năm triệu VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		7.374.063	4.753.787
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(3.837.594)	(2.648.103)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		165.063	86.118
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		149.875	161.070
(Chi phí)/Thu nhập khác		36.012	(2.968)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		2.900	600
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.837.127)	(1.292.763)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(186.425)	(93.829)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		1.866.767	963.912
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(Tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		1.969.999	(754.760)
Giảm/(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		682.746	(8.010.173)
Giảm/(Tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		29.149	(17.999)
(Tăng) các khoản cho vay khách hàng và trái phiếu VAMC		(16.656.015)	(19.500.966)
(Giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(922.656)	(35.034)
Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động		(617.484)	1.983.741
Những thay đổi về công nợ hoạt động		15.920.110	28.169.946
(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(418.058)	(517.698)
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		(4.021.209)	11.849.637
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		15,216,558	15.576.581
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		3.481.154	-
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		1.416.286	1.211.924
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		84.351	-
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		161.028	49.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.272.616	2.798.667

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(165.949)	(53.159)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		462	62
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(16)	(4)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(165.503)	(53.101)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	403.105
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	(80.348)
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		31.647	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		31.647	322.757
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.138.760	3.068.323
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		22.292.127	19.223.804
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	21	24.430.887	22.292.127

Người lập



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam,
Ngày 15 tháng 1 năm 2018

Người kiểm soát



Bà Bùi Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám Đốc

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”); tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (gọi tắt là “TPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng được thành lập vào ngày 05 tháng 5 năm 2008 theo Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giấy phép thành lập của Ngân hàng được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo Quyết định số 2132/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 9 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng được đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 vào ngày 04 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.842.105 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.842.105 triệu VND).

Mạng lưới Hoạt động

Ngân hàng TMCP Tiên Phong có trụ sở chính đặt tại Tòa nhà TPBank, số 57 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh, ba mươi (30) chi nhánh và ba mươi tư (34) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.848 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.937 người).

2. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Tiền mặt bằng VND	412.491	309.331
Tiền mặt bằng ngoại tệ	499.954	411.484
Vàng tiền tệ	264.533	94.333
	1.176.978	815.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Tiền gửi tại NHNN		
- Bằng VND	2.039.389	763.853
- Bằng ngoại tệ	324.741	598.464
	2.364.130	1.362.317

4. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn	9.925.204	9.110.783
- Bằng VND	9.358.585	8.818.751
- Bằng ngoại tệ	566.619	292.032
Tiền gửi có kỳ hạn	12.264.575	10.126.606
- Bằng VND	11.390.000	9.700.000
- Bằng ngoại tệ	874.575	426.606
Dự phòng rủi ro	-	-
	22.189.779	19.237.389
Cho vay các TCTD khác		
- Bằng VND	400.000	4.370.000
- Bằng ngoại tệ	-	177.272
- Dự phòng rủi ro		
	400.000	4.547.272
Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác	22.589.779	23.784.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	61.269.200	45.680.205
Cho vay chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá	847.712	279.187
Cho vat bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	49.387	-
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	1.250.769	664.770
Nợ tổn động không có tài sản bảo đảm và không còn đối tượng thu hồi nợ	5.575	18.815
	63.422.643	46.642.977

5.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	61.626.561	45.125.413
Nợ cần chú ý	1.101.526	1.167.691
Nợ dưới tiêu chuẩn	254.740	81.831
Nợ nghi ngờ	153.408	79.322
Nợ có khả năng mất vốn	280.833	169.905
Nợ tổn động không có tài sản bảo đảm và không còn đối tượng thu nợ	5.575	18.815
	63.422.643	46.642.977

5.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Nợ ngắn hạn	18.703.802	17.905.580
Nợ trung hạn	21.098.417	16.159.684
Nợ dài hạn	23.620.424	12.577.713
	63.422.643	46.642.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Mua nợ bằng VND	-	-
Mua nợ bằng ngoại tệ	584.605	682.805
Dự phòng rủi ro	(4.551)	(5.275)
	580.054	677.530

7. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	24.938.137	29.175.883
<i>Chứng khoán Nợ</i>	<i>24.622.968</i>	<i>28.846.078</i>
Chứng khoán Chính phủ	10.984.557	12.506.998
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	7.343.942	6.162.092
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	6.294.469	10.176.988
<i>Chứng khoán Vốn</i>	<i>315.169</i>	<i>329.805</i>
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	315.169	315.169
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	-	14.636
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(135.049)	(135.323)
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán</i>	<i>(49.402)</i>	<i>(49.402)</i>
<i>Dự phòng chung chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>	<i>(85.647)</i>	<i>(85.921)</i>
	24.803.088	29.040.560
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	994.187	1.019.638
Chứng khoán nợ do Nợ do các TCKT trong nước phát hành	994.187	1.019.638
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(332.273)	(177.680)
	661.914	841.958
Tổng	25.465.002	29.882.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.1 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	949.487	974.938
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(331.938)	(177.345)
Tổng	617.549	797.593

7.2 Trái phiếu DATC

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Mệnh giá trái phiếu DATC	44.700	44.700
Dự phòng chung trái phiếu DATC	(335)	(335)
Tổng	44.365	44.365

8. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước	1.082.224	1.500.282
Vay theo hồ sơ tín dụng	1.082.224	1.194.045
Vay cầm cố giấy tờ có giá	-	306.237
	1.082.224	1.500.282

9. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Tiền gửi của các TCTD khác		
Tiền gửi không kỳ hạn	9.015.263	8.714.474
- Bằng VND	9.015.263	8.714.474
- Bằng ngoại tệ	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	18.743.667	16.020.326
- Bằng VND	17.970.004	14.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Bảng ngoại tệ	773.663	2.020.326
	27.758.930	24.734.800
Vay các TCTD khác		
- Bảng VND	4.580.484	11.859.549
- Bảng ngoại tệ	2.046.549	-
- Vay chiết khấu giấy tờ có giá	3.875.498	4.650.898
	10.502.531	16.510.447

10. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Số cuối năm triệu VND</i>	<i>Số đầu năm triệu VND</i>
Tiền gửi không kỳ hạn	11.409.904	7.460.570
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	10.549.220	7.035.910
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	860.684	424.660
Tiền gửi có kỳ hạn	58.468.271	47.380.366
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	51.559.381	41.647.929
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.908.890	5.732.437
Tiền gửi vốn chuyên dùng	16.594	2.967
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	22	46
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	16.572	2.921
Tiền gửi ký quỹ	403.817	238.125
- Tiền gửi ký quỹ bằng VND	346.079	233.215
- Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	57.738	4.910
	70.298.586	55.082.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	<i>Số cuối năm triệu VND</i>	<i>Số đầu năm triệu VND</i>
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân khác bằng VND	-	-
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân trong nước khác bằng ngoại tệ	228.735	198.849
Vốn nhận trực tiếp của các tổ chức quốc tế bằng VND	-	220.000
Vốn nhận trực tiếp của các tổ chức quốc tế bằng ngoại tệ	2.399.475	793.076
	2.628.210	1.211.925

12. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	<i>Số cuối năm triệu VND</i>	<i>Số đầu năm triệu VND</i>
Giấy tờ có giá bằng VND	3.481.154	-
Mệnh giá	3.481.154	-
Giấy tờ có giá bằng ngoại tệ	-	-
Mệnh giá	-	-
	3.481.154	-

13. VỐN VÀ CÁC QUỸ

	Vốn điều lệ triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần triệu VND	Cổ phiếu triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ triệu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối triệu VND	Tổng cộng triệu VND
Tại ngày đầu năm	5.842.105	(718.828)	(83.152)	56.727	19.423	565.211	5.681.486
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	963.609	963.609
Bán cổ phiếu quỹ	-	3.978	27.669	-	-	-	31.647
Trích quỹ trong năm	-	480.404	-	56.521	28.261	(565.186)	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(25)	(25)
Tại ngày cuối năm	5.842.105	(234.446)	(55.483)	113.248	47.684	963.609	6.676.717

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng đã trích quỹ và phân phối lợi nhuận dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (đơn vị)	584.210.500	584.210.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng (đơn vị)		
- Cổ phiếu phổ thông (đơn vị)	555.000.000	555.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (đơn vị)	29.210.500	29.210.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại (đơn vị)		
- Cổ phiếu phổ thông (đơn vị)	(6.016.056)	(9.016.056)
- Cổ phiếu ưu đãi (đơn vị)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (đơn vị)	578.194.444	575.194.444
- Cổ phiếu phổ thông (đơn vị)	548.983.944	545.983.944
- Cổ phiếu ưu đãi (đơn vị)	29.210.500	29.210.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

(*) Đây là cổ phiếu ưu đãi cổ tức phát hành cho Công ty Tài chính Quốc tế ("IFC"). Cổ tức ưu đãi được trả hàng năm với mức cổ tức bằng 8,5% mệnh giá cổ phiếu ưu đãi cổ tức sở hữu tại thời điểm chi trả.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Lợi nhuận sau thuế	963.609	565.211
Cổ tức chi trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	(24.829)	(8.843)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	938.780	556.368

Số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm mang sang	545.983.944	554.719.644
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	(8.735.700)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ bán ra trong năm	3.000.000	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	546.608.602	554.324.750

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,717	1,004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay triệu VND	Năm trước triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	555.120	282.123
Thu nhập lãi cho vay	4.232.256	2.872.328
Thu nhập từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	2.253.126	1.775.371
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	98.082	65.929
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	51.176	13.030
Thu khác từ hoạt động tín dụng	134.845	164.905
	7.324.605	5.173.686

15. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm nay triệu VND	Năm trước triệu VND
Trả lãi tiền gửi	3.417.894	2.462.217
Trả lãi tiền vay	585.881	522.041
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	30.086	-
Chi phí hoạt động tín dụng khác	118.320	68.603
	4.152.181	3.052.861

16. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm nay triệu VND	Năm trước triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	280.878	146.317
- Thu từ dịch vụ thanh toán	125.677	72.441
- Thu từ hoạt động ngân quỹ	3.955	2.895
- Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	-	165
- Thu khác	151.246	70.816
Chi phí cho hoạt động dịch vụ	115.815	60.199
- Chi về dịch vụ thanh toán	83.043	46.422
- Chi về dịch vụ ủy thác và đại lý	1.071	3.929
- Chi về hoạt động ngân quỹ	7.448	4.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Chi phí khác	24.253	5.042
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	165.063	86.118

17. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	<i>Năm nay triệu VND</i>	<i>Năm trước triệu VND</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	550.988	287.732
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	236.810	129.484
- Thu từ công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	314.178	158.248
Chi phí cho hoạt động dịch vụ	540.740	229.760
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	213.674	59.621
- Chi về công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	327.066	170.139
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	10.248	57.972

18. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay triệu VND</i>	<i>Năm trước triệu VND</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	255.838	92.476
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	3.479	18.709
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(274)	27.507
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	222.633	46.260

19. LÃI/ (LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay triệu VND</i>	<i>Năm trước triệu VND</i>
Thu nhập từ hoạt động khác	45.421	5.482
Thu nhập từ nợ xấu đã được xử lý rủi ro	2.900	600
Thu nhập từ chuyển nhượng, thanh ký tài sản cố định	462	62
Thu nhập khác	42.059	4.820
Chi phí từ hoạt động khác	6.063	7.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi phí từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản cố định	16	4
Chi phí khác	6.047	7.788
Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động khác	39.358	(2.310)

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	<i>Năm nay triệu VND</i>	<i>Năm trước triệu VND</i>
Chi phí nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	470	346
Chi phí cho nhân viên		
- Chi lương và phụ cấp	864.502	51.073
- Các khoản chi đóng góp theo lương	50.133	37.339
- Chi trợ cấp	6.170	6.487
- Các khoản chi khác	40.720	28.415
Chi về tài sản		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.897	42.801
- Chi khác về tài sản	218.945	157.432
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
- Công tác phí	9.205	8.537
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	4.745	1.904
- Chi hội nghị, lễ tân khánh tiết	63.499	63.017
- Chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi	229.874	232.417
- Chi khác cho hoạt động quản lý	316.814	210.002
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	42.809	32.617
Chi phí/ (hoàn nhập) dự phòng cho tài sản có khác	27.820	(1.211)
	1.941.603	1.330.576



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý tại quỹ (*)	1.176.978	815.148
Tiền gửi tại NHNN (*)	2.364.130	1.362.317
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác (*)	9.925.204	9.110.783
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng (<= 90 ngày)	10.964.575	11.003.879
	24.430.887	22.292.127

22. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁC CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm nay	Năm trước
Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	4.318	3.063
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu VND)		
Tổng quỹ lương và thưởng	961.525	582.714
Thu nhập bình quân tháng	18.56	18.85

23. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀ VÀNG VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
USD	22.425	22.159
EUR	27.166	24.026
GBP	30.589	27.997
CHF	23.268	22.347
JPY	201,48	196
SGD	16.960	15.763
CAD	18,031	16.910
AUD	17.661	16.524
NZD	16.136	15.867
THB	698,20	635,14
RUB	414	377



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

XAU	3.657.000	3.630.000
HKD	2.909	2.936
CNY	3.490	3.279
KRW	21,26	18,88

24. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu ra công chúng với số lượng 555 triệu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng. Hiện Ngân hàng và các cơ quan quản lý đang hoàn thiện thủ tục niêm yết chính thức.

Người lập

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam,
Ngày 15 tháng 1 năm 2018

Người kiểm soát

Bà Bùi Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám Đốc

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc



[BÁO CÁO] QUẢN TRỊ 2017



BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2017

1.1 GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH

HDQT đã nỗ lực cùng BĐH theo sát diễn biến của thị trường, phát huy trí tuệ, nguồn lực nhằm kịp thời chỉ đạo đưa ra kế hoạch hành động để đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và hiệu quả. Hoạt động của các Ủy ban tiếp tục được duy trì định kỳ hàng tuần, hàng tháng.

- Đối với UB ALCO: Chủ tịch chỉ đạo theo dõi sát sao, báo cáo hàng tuần tình hình huy động vốn và sử dụng vốn để đảm bảo thanh khoản của ngân hàng. Từng tháng, từng quý, 6 tháng và đặc biệt là thời điểm cuối năm, UB ALCO đã chỉ đạo cụ thể, xuyên suốt BĐH, giao nhiệm vụ tới từng khối KD, nhằm đạt và vượt những chỉ tiêu kế hoạch đồng thời đảm bảo các chỉ số an toàn của ngân hàng.
- Đối với UBTD: Do có sự điều chỉnh trong cơ chế, khẩu vị rủi ro cũng như định hướng khách hàng mục tiêu mà năm 2017 hoạt động của UBTD hiệu quả, định hướng được cho các đơn vị trong việc lựa chọn khách hàng, sắp xếp ưu tiên tín dụng đối với các khách hàng tốt, tập trung vào hoạt động tín dụng core, margin cao nên mang lại lợi nhuận cao cho ngân hàng, góp phần hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận tăng trưởng mạnh năm 2017.
- Đối với UBRR: đã tiếp tục triển khai các giai đoạn tiếp theo của dự án Basel 2 theo định hướng của NHNN. Hoạt động này khiến cho uy tín của TPBank đối với NHNN cũng như các ngân hàng bạn và đối tác ngày càng được củng cố.
- Đối với UBĐT: UB đã chú trọng vào danh mục đầu tư có chất lượng, hiệu quả, khả năng mang lại lợi nhuận cao cho ngân hàng. Tuy nhiên, đây là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hệ thống, vì vậy EXCO đã tham gia đầy đủ các cuộc họp liên ủy ban Tín Dụng và Đầu Tư để xem xét kỹ lưỡng yếu tố của từng dự án, từng trái phiếu trong danh mục. Hiện nay danh mục này đang mang lại lợi nhuận lớn.
- Đối với UBNS: Trong quý 3, UBNS đã định hướng rõ các khối về cơ cấu nhân sự, cơ cấu tổ chức, tiến hành rà soát nhằm đảm bảo chất lượng nhân sự, nâng cao năng suất lao động, giảm đội ngũ nhân sự yếu kém qua các đợt đánh giá tránh lãng phí trong hệ thống. Về cơ bản, các đơn vị đã hoàn thành tốt và có chuyển biến tích cực. Năng suất lao động được tăng gấp đôi đối với đội ngũ nhân viên kinh doanh đặc biệt là Trung tâm bán, mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn. Tiếp tục quan tâm và làm tốt công tác đánh giá, lương thưởng cuối năm cho CBNV đảm bảo công bằng, xứng đáng, minh bạch, tạo lòng tin và sự gắn bó của CBNV với tổ chức. EXCO cũng đã chỉ đạo xây dựng thành công bộ quy tắc ứng xử (Code of Conduct) dành cho toàn bộ CBNV của TPBank. Điều này giúp TPBank ngày càng thống nhất, chuyên nghiệp đối với khách hàng, lãnh đạo và các đồng nghiệp. Văn hóa doanh nghiệp được xây dựng và toàn thể CBNV tự hào có bài hát TPBank ca vang lên trong các sự kiện của ngân hàng.
- Cơ cấu nhân sự cao cấp ổn định, không có biến động. TGD đã được ngân hàng nhà nước chấp thuận tái bổ nhiệm nhiệm kỳ mới 2017-2022.
- Giám sát và hỗ trợ hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Điều hành (BĐH). Duy trì cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý của EXCO với BĐH nhằm xác định các vướng mắc trở ngại trong hoạt động kinh doanh, kịp thời định hướng và chỉ đạo sâu sát hoạt động của BĐH. Các cuộc họp tập trung thảo luận những vấn đề then chốt, tác động lớn đến hoạt động ngân hàng, đưa ra những giải pháp quyết liệt để tháo gỡ thúc đẩy kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ và bảo đảm hệ thống tuân thủ hiệu quả, hợp lực, gắn kết.
- Hoạt động của các khối trong toàn hàng đồng đều: các khối kinh doanh đều tích cực hoàn thành các chỉ tiêu: đạt kết quả xuất sắc có khối DS; các đơn vị hoàn thành tốt có khối IB, Khối FM; các đơn vị hoàn thành có các khối CB, RB. Đây là những đóng góp không nhỏ cho kết quả lợi nhuận của toàn hàng. Các khối hỗ trợ cũng đã liên tục cải tiến quy trình, đẩy nhanh thời gian xử lý hồ sơ, hỗ trợ tối đa các khối kinh doanh.
- Hoạt động của ngân hàng được yêu cầu tuân thủ kỷ luật ngân sách chặt chẽ, thực hiện nguyên tắc chi đúng, chi cần thiết. Đến

31/12/2017, tỷ lệ chi phí hoạt động Thực hiện/Kế hoạch lũy kế cả năm là 95%, C/I năm 2017 đạt 46,03% (giảm 3% so với kế hoạch). Chủ trương năm tới, chỉ số này cần được kiểm soát chặt chẽ hơn nữa để hoạt động của ngân hàng hiệu quả hơn

1.2 CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA NGÂN HÀNG

Một nhiệm vụ trọng tâm của ngân hàng là đảm bảo chỉ số CAR đạt mức tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, nhiệm vụ tăng vốn là hoạt động cấp bách và thiết yếu để đảm bảo an toàn hoạt động của ngân hàng.

- Thừa ủy quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã làm việc với tư vấn SSI tiến hành các hoạt động tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược, thực hiện kế hoạch tăng vốn 15%. Việc tìm kiếm các đối tác chiến lược, có tiềm lực tài chính mạnh để hoàn thành việc tăng vốn là bước đệm quan trọng cho việc niêm yết cổ phần TPB trên thị trường chứng khoán tập trung.
- TPBank đã bán 4.99% cổ phần cho cổ đông nước ngoài PYN Elite Fund Management của Phần Lan thu về cho ngân hàng 40 triệu USD.
- Chỉ đạo công tác niêm yết cổ phiếu TPB trên sàn chứng khoán HOSE: Ngày 22/3/2018, TPBank đã chính thức được Sở Giao dịch Chứng khoán HCM chấp thuận niêm yết với mã cổ phiếu TPB trên sàn. Đây là dấu mốc quan trọng cho TPBank, thể hiện được uy tín, vị thế của TPBank trong ngành và trên thị trường. Ngày 19/4/2018, cổ phiếu TPBank chính thức chào sàn với mức giá 32.000đ/1CP.
- Năm 2018 là năm cuối của nhiệm kỳ HĐQT 5 năm 2013-2018. Chủ tịch HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ phê duyệt không thay đổi cơ cấu HĐQT gồm 8 thành viên trong đó có 1 thành viên độc lập. Tuy nhiên, sẽ tăng cường thêm các thành viên độc lập, thành viên không đại diện phần vốn góp của doanh nghiệp hay nắm giữ cổ phần cá nhân nhưng có nhiều kinh nghiệm quý báu, uy tín trên thị trường tài chính. Mục đích của việc thay đổi cơ cấu này nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của HĐQT, bổ sung thêm các thành viên có năng lực chuyên môn giỏi, tham mưu cho HĐQT các vấn đề của ngân hàng, theo khuyến nghị của các tổ chức đánh giá uy tín trên thế giới.
- Chỉ đạo xây dựng đề án phát triển ngân hàng giai đoạn đến 2020 trình Ngân hàng Nhà nước.
- Chỉ đạo xây dựng Quy tắc Quản trị ngân hàng (CG) và thay đổi Điều lệ cho phù hợp với quy định mới của pháp luật để trình ĐHCĐ phê duyệt.

1.3 CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

Công tác phát triển mạng lưới vẫn là nhiệm vụ trọng tâm mà HĐQT chỉ đạo BĐH nhằm mở rộng hệ thống, tăng nhận diện thương hiệu với khách hàng, đặc biệt chú trọng phát triển ngân hàng số với các điểm LiveBank 24/24, phát triển phương tiện thanh toán QPAY dùng QRCode, phát triển nền tảng Ebank mới, Savy phục vụ giới trẻ. Bước đầu, đây thực sự là lợi thế cạnh tranh cho TPBank trong việc phát triển kinh doanh mà không có mạng lưới rộng.

- Trong năm 2017, TPBank đã hoàn tất khai trương mở mới 2 chi nhánh, 3 phòng giao dịch và văn phòng đại diện miền nam theo chấp thuận của ngân hàng nhà nước. Các địa điểm này dự kiến sẽ hoạt động tốt và mang lại kết quả tốt trong năm 2018. Trong đó đặc biệt là các chi nhánh tại Kiên Giang, Hồ Chí Minh. Các chi nhánh tiếp tục được mở trong thời gian 5 tháng đầu năm 2018 theo chấp thuận của NHNN.
- Năm 2018, TPBank tiếp tục trình Ngân hàng nhà nước mở 5 chi nhánh (Lào Cai, Thái Nguyên, Quảng Nam, Quận 2 và Tiền Giang), 6 phòng giao dịch (Hải phòng, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh). Việc tập trung mở rộng mạng lưới chi nhánh hoạt động trên địa bàn Hồ Chí Minh là chiến lược mới của TPBank để tăng tính nhận diện ở một thị trường tiềm năng đồng thời phát triển mảng tín dụng tiêu dùng trong thời gian tới. Nâng tổng số điểm giao dịch của TPBank lên hơn 70 chi nhánh và Phòng giao dịch.

1.4 CÔNG TÁC CỔ ĐÔNG

Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đặt ra đòi hỏi với HĐQT phải chú trọng hơn trong công tác cổ đông, giữ hoạt động minh bạch, cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông. Tuân thủ chính sách công bố thông tin của công ty đại chúng theo quy định của Ủy ban Chứng Khoán.

- Công bố đầy đủ các thông tin của TPBank, các Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT, các giao dịch của cổ đông nội bộ và các báo cáo liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
- Giá cổ phiếu TPBank có giai đoạn tăng mạnh trong thời gian qua, giá giao dịch giao động từ 25.000 -27.000/cổ phần. Việc đăng ký lưu ký, chuyển nhượng của cổ đông cũng diễn ra nhiều hơn. Bộ phận quản lý cổ đông của ngân hàng đã tích cực hỗ trợ để cổ đông hoàn thành nhanh chóng các thủ tục đảm bảo giao dịch nhanh, gọn và thuận lợi.
- Hầu hết các cổ đông đều có tâm lý phấn khởi với việc lên giá của cổ phần TPBank và các thông tin tích cực từ ngân hàng.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2017

1. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

A. Ông Đỗ Minh Phú - Chủ tịch HĐQT

- Điều hành hoạt động chung của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT;
- Là Thành viên HĐQT chuyên trách, Chủ tịch Ủy ban Điều Hành (EXCO)
- Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của TPBank liên quan đến: Chiến lược, đối ngoại, Nguồn vốn, Tài sản nợ có, Xử lý nợ.

B. Ông Lê Quang Tiến - Phó Chủ tịch HĐQT

- Là Thành viên HĐQT chuyên trách, Thành viên Ủy ban Điều Hành (EXCO)
- Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của TPBank liên quan đến: Nhân sự, Kế toán – Tài chính, Công nghệ thông tin, Cổ đông

C. Ông Đỗ Anh Tú - Phó Chủ tịch HĐQT

- Là Thành viên HĐQT chuyên trách, Thành viên Ủy ban Điều Hành (EXCO)
- Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của TPBank liên quan đến: Truyền thông, Quản lý thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ, hoạt động QTRR

D. Ông Shuzo Shikata - Phó Chủ tịch HĐQT

- Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của TPBank liên quan đến: Hoạt động kinh doanh trên thị trường quốc tế, khách hàng Nhật Bản

E. Ông Kento Tokimori – Thành viên HĐQT

- Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của TPBank liên quan đến: Hoạt động phát triển khách hàng FDI.

F. Ông Phan Tuấn Anh - Thành viên HĐQT

- Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của TPBank liên quan đến: công nghệ di động trong hoạt động của TPBank.

G. Ông Phạm Công Tứ - Thành viên HĐQT

- Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của TPBank liên quan đến: lĩnh vực bảo hiểm trong hoạt động của TPBank.

H. Bà Nguyễn Thu Hà - Thành viên HĐQT độc lập

- Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của TPBank liên quan đến: Quan hệ với các định chế tài chính trong nước và quốc tế; Các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ ngân hàng bán lẻ của TPBank; Quan hệ với các đối tác cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán trong và ngoài nước, Quản trị Rủi ro Ngân hàng.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

- Các thành viên của EXCO đều hoàn thành tốt vai trò phụ trách quản lý đối với các Ủy Ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT, kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp với hoạt động của ngân hàng, hoàn thành nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT. Luôn sát sao chỉ đạo và điều hành cùng với BDH để đạt được những kết quả kinh doanh đột phá.
- Các ông bà là thành viên không chuyên trách bao gồm Ông Phan Tuấn Anh, Ông Phạm Công Tứ, Ông Shuzo Shikata, Ông Kento Tokimori đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các cuộc họp HĐQT, hoàn thành nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT các vấn đề liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

- Thành viên HĐQT độc lập: Bà Nguyễn Thu Hà đã hoàn thành tốt vai trò giám sát hoạt động của HĐQT, BDH nhằm đảm bảo ngân hàng hoạt động theo đúng quy định của pháp luật cũng như Điều lệ của TPBank, phù hợp với chủ trương và định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, bà Hà còn hoàn thành tốt vai trò tham mưu tư vấn cho HĐQT xây dựng chiến lược, hoạt động khách hàng cá nhân, Quan hệ với đối tác định chế tài chính nước ngoài, nghiên cứu thị trường định vị vị thế của TPBank; tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban và hoạt động của Ủy ban ALCO, Đầu tư, QTRR.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2018-2023

1. DỰ BÁO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- Kinh tế thế giới dự báo tăng trưởng khả quan, IMF nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2018 lên 3.9%. Kinh tế toàn cầu nhiều gam sáng màu khởi sắc.
- Kinh tế Mỹ tăng trưởng 3-3.1%, Châu Âu ổn định ở mức 1.9%, Châu Á tiếp tục dẫn đầu thế giới với tốc độ tăng trưởng 5,8-5.9% và trở thành động lực đầu tàu phát triển kinh tế thế giới.
- Fed tăng lãi suất cơ bản đồng USD lên 3-4 lần trong năm 2018.
- Nguy cơ thách thức: chính sách bảo hộ mậu dịch của Mỹ tăng cao, có thể tác động tiêu cực đến nguồn vốn đầu tư vào các nước đang phát triển cũng như nguy cơ xảy ra chiến tranh thương mại.
- Kinh tế Việt Nam dự báo triển vọng tích cực với nhiều cơ hội tốt hơn 2017 như tăng trưởng GDP có thể đạt mức 6.83%, lạm phát kiểm soát dưới 4%, xuất khẩu tăng trưởng 10%.
- Hiệp định CPTPP đã ký và các hiệp định tự do thương mại khác mở ra cơ hội cho Việt Nam hội nhập kinh tế sâu rộng, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, tận dụng nguồn nhân lực và lợi thế hiện có để phát triển thị trường
- Thách thức: cạnh tranh gay gắt hơn do cuộc cách mạng 4.0. Tính ổn định, bền vững và khả năng chống đỡ của nền kinh tế và doanh nghiệp còn hạn chế.

2. MỤC TIÊU CHUNG

Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/07/2017 (“Quyết định 1058”) của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn Cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu. Vì vậy, HĐQT định hướng mục tiêu chung của nhiệm kỳ tới gồm các nội dung chính:

- **Mục tiêu 1:** Phấn đấu trở thành một trong 10 ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam phát triển bền vững với 3 trụ cột kinh doanh là dịch vụ ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng phục vụ doanh nghiệp & SME, hoạt động kinh doanh trên thị trường vốn và đầu tư. Đảm bảo đến năm 2020 tăng gấp 2 lần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập, giảm hoạt động lệ thuộc tín dụng.
- **Mục tiêu 2:** Lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế. Hướng đến năm 2020 đảm bảo mức vốn tự có theo chuẩn mục Basel II.
- **Mục tiêu 3:** Tập trung phát triển ngân hàng số giữ vị trí hàng đầu Việt Nam.
- **Mục tiêu 4:** Xây dựng và đào tạo đội ngũ CBNV ngân hàng giỏi về chuyên môn, liêm chính, sáng tạo, gắn bó với tổ chức, trở thành nguồn lực to lớn và quyết định thành công của Ngân hàng.

3. PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

HĐQT đã xác định phương châm hoạt động của ngân hàng trong thời gian tới là:

“SẢN PHẨM VƯỢT TRỘI – NGHIỆP VỤ TINH THÔNG – CHUNG SỨC ĐỒNG LÒNG – KỶ CƯƠNG HIỆU QUẢ”

TPBank chuẩn bị kỷ niệm 10 năm xây dựng và phát triển, Ngân hàng đã khẳng định vị thế trên thị trường, chuẩn bị nguồn năng lực và nền tảng vững chắc để bứt phá, mạnh mẽ hơn. HĐQT cam kết sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình nhằm đưa hoạt động của TPBank phát triển theo hướng hiệu quả, minh bạch, đảm bảo sự phát triển bền vững của TPBank.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2017 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2017, quy mô tổ chức và hoạt động của TPBank tăng nhanh. Ban kiểm soát đã tích cực thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, góp phần cùng toàn hệ thống TPBank hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được ĐHĐCĐ thông qua.

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1. Thường xuyên rà soát các quy chế do HĐQT ban hành và giám sát việc tuân thủ các quy định, Điều lệ TPBank và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. Theo dõi thực hiện các chỉ tiêu tài chính, kế hoạch kinh doanh. Đánh giá độc lập Hệ thống KSNB, công tác quản trị rủi ro và các thông tin quản trị Ngân hàng. Hàng quý, BKS đã tư vấn, kiến nghị với Ủy ban điều hành HĐQT (EXCO), Ban điều hành (BDH) về các nội dung liên quan.
3. Chỉ đạo KTNB xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm toán trên cơ sở rủi ro:
 - Tham gia kiểm toán, soát xét các biên bản, báo cáo kiểm toán. Thường xuyên đánh giá và chỉ đạo KTNB nâng cao chất lượng kiểm toán.
 - Thẩm định BCTC và soát xét thực hiện các tỷ lệ an toàn, giới hạn rủi ro trong hoạt động Ngân hàng.
 - Hoàn thành kế hoạch kiểm toán trực tiếp và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của EXCO, BKS và Tổng giám đốc. Công tác giám sát từ xa được thực hiện thường xuyên, liên tục với các chỉ tiêu giám sát được cập nhật.
 - Đôn đốc khắc phục sau thanh tra, kiểm toán và phối hợp với các đơn vị giám sát trong việc đánh giá, chấm điểm tuân thủ và tư vấn chế tài xử lý các vi phạm.
 - Duy trì bản tin Cảnh báo tuân thủ hàng tháng với các lưu ý cần cải thiện.
 - Cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước.
4. Tăng cường năng lực kiểm soát, kiểm toán nội bộ:
 - Phối hợp với HĐQT trong việc kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực KTNB.
 - Triển khai phương pháp kiểm toán định hướng rủi ro, từng bước chuẩn hóa quy trình, phát triển các công cụ kiểm toán và áp dụng biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả KTNB.
 - Ban hành cơ chế phối hợp giữa BKS và BDH trong chỉ đạo hoạt động kiểm toán, KSNB.
 - Hợp tác với Công ty tư vấn đào tạo KTNB về quản lý rủi ro theo yêu cầu của Basel II.
5. Phối hợp với VP HĐQT cập nhật Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của TPBank.
6. BKS duy trì 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách, đáp ứng đủ cơ cấu theo quy định. Năm 2017, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, đồng thời thường xuyên trao đổi, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao. Các thành viên BKS đã tích cực thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

1. GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH NH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BKS đã tổ chức thẩm định và xác nhận BCTC do BDH lập và được Công ty Deloitte có ý kiến chấp nhận toàn phần đã ghi nhận trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của TPBank cho các giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày đóng sổ.

2. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

HĐQT đã hoạch định chiến lược và tổ chức điều hành, giám sát thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh:

- Tái cấu trúc mô hình hoạt động Ngân hàng với Các khối được tách bạch theo chức năng Kinh doanh, Hỗ trợ vận hành và Hỗ trợ quản trị. Thành lập Ban quản trị các chỉ số tài chính. Thế mạnh về công nghệ thông tin và kinh doanh vàng đã được khai thác tối đa.
- Điều chỉnh mô hình tổ chức, quản lý nhân sự hợp lý theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và cải tiến chế độ tiền lương. Gắn lợi ích, trách nhiệm cán bộ với hiệu quả công việc.

- Công tác kế hoạch hóa được thực hiện đồng bộ. KPIs được áp dụng cho từng Khối, Đơn vị, cá nhân.
- Triển khai xây dựng Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng theo Nghị định 71- Hướng dẫn áp dụng đối với công ty đại chúng và Luật TCTD sửa đổi và Bộ quy tắc ứng xử của TPBank.
- Thực hiện các biện pháp thúc đẩy hiệu quả kinh doanh, tăng cường kiểm soát và nâng cao năng lực QTRR. Các giới hạn, tỷ lệ an toàn hoạt động NH được kiểm soát.
- Hoàn thành lộ trình tăng vốn điều lệ theo kế hoạch. Tích cực xử lý nợ xấu, nâng cao năng lực tài chính cho Ngân hàng.
- Gia tăng hàm lượng công nghệ cao, ứng dụng eBank và thúc đẩy các chương trình, sản phẩm dịch vụ đa dạng đã nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế Ngân hàng.
- Cải thiện việc quản lý và kinh doanh vốn. Hoạt động đầu tư và kinh doanh trên thị trường tiền tệ đạt kết quả tích cực. Thanh khoản được quản lý một cách hiệu quả.
- Thường xuyên rà soát, đánh giá và áp dụng biện pháp cải thiện các chỉ tiêu hoạt động như Quy mô, Tăng trưởng, Chất lượng tài sản, Hiệu quả hoạt động, Khả năng sinh lời, An toàn vốn và Thanh khoản.
- Được NHNN cấp phép phát triển mới nhiều ĐVKD. Hệ thống mạng lưới cũng được nâng cấp theo Mô hình Đa năng, Mô hình Chuẩn. Kết quả hoạt động của các ĐVKD hầu hết được cải thiện, đóng góp tích cực cho lợi nhuận Ngân hàng.
- Phát triển quan hệ đại lý với các định chế tài chính nước ngoài. Các hạn mức tài trợ vay và thanh toán được tăng cao; được các Cơ quan quản lý và Định chế tài chính trong, ngoài nước đánh giá, xếp hạng tích cực.

3. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KSNB

- Về môi trường kiểm soát
 - Mô hình tổ chức của Ngân hàng được thiết lập với 3 tuyến bảo vệ độc lập: ĐVKD và các đơn vị Hội sở quản lý theo nghiệp vụ; Các đơn vị thuộc Khối QTRR; và KTNB.
 - Hệ thống chính sách, quy định nội bộ được ban hành đầy đủ, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và quản lý rủi ro.
- Hệ thống QTRR và các chốt kiểm soát
 - Bộ máy QTRR được thiết lập đồng bộ. Ủy ban QLRR đã tham mưu cho HĐQT quản lý các rủi ro Ngân hàng, từ chiến lược, chính sách và cơ chế giám sát BDH trong việc thực hiện.
 - Hoạt động của bộ phận QLRR tín dụng, QLRR thị trường và QLRR vận hành được tăng cường và nâng cao chất lượng, góp phần nhận diện, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro.
 - Cơ chế hạn mức, phân cấp ủy quyền thường xuyên được đánh giá, điều chỉnh.
 - Các chốt kiểm soát trong quy trình nghiệp vụ được thiết lập và thường xuyên được soát xét tính hiệu lực, phòng ngừa rủi ro gian lận.
 - Hệ thống thông tin về tài chính, hoạt động, tuân thủ được tăng cường đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành. Hệ thống CNTT được tăng cường giám sát, bảo vệ hợp lý và áp dụng các cơ chế quản lý dự phòng độc lập, bảo đảm HĐKD thường xuyên, liên tục.

4. CƠ CHẾ PHỐI HỢP CỦA BKS VÀ HĐQT, BDH

- HĐQT, BDH, BKS đã phối hợp tích cực trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo BKS triển khai và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.
- Có cơ chế cung cấp thông tin rõ ràng, minh bạch.
- Các kiến nghị của BKS được ghi nhận đầy đủ và cơ bản được HĐQT, BDH tiếp thu, bổ sung chỉnh sửa phù hợp.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2018

1. Giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ TPBank trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng.
2. Thường xuyên đánh giá, ý kiến về tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018.
3. Trình ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của BKS theo quy định mới.
4. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch KTNB năm 2018. Kịp thời sửa đổi các quy định, quy trình kiểm toán nhằm tăng cường chất lượng, hiệu quả hoạt động của KTNB và Hệ thống KSNB. Phối hợp tuyển dụng, đào tạo kỹ thuật kiểm toán trên cơ sở rủi ro nhằm nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của KTNB.
5. Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2018. Soát xét các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động Ngân hàng.
6. Đánh giá độc lập đối với Hệ thống KSNB, chất lượng quản trị rủi ro. Cảnh báo tuân thủ, rủi ro và chia sẻ thông tin, tư vấn, kiến nghị cải thiện.
7. Giám sát việc cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cổ đông lớn theo quy định pháp luật.



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

0.78



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

Năm 2017 đã khép lại với sự phát triển mạnh mẽ của TPBank, thành quả mang lại là thực hiện thành công đề án Tái cơ cấu Ngân hàng đã được Thủ tướng Chính Phủ, NHNN và HĐQT phê duyệt. Tiếp tục thực hiện chiến lược đến năm 2020 theo lộ trình đã đề ra, năm 2018 với mục tiêu phát triển bền vững và hiệu quả, phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam, TPBank ưu tiên tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn đã được xác định như: Đẩy mạnh tài trợ các công ty, đơn vị ứng dụng công nghệ cao; Tập trung lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng ưu tiên. Đây cũng là các lĩnh vực trọng tâm, được ưu tiên phát triển ở Việt Nam, hứa hẹn sẽ là mảnh đất giàu tiềm năng cho sự phát triển của ngân hàng, đồng thời đây cũng là những lĩnh vực TPBank có ưu thế cạnh tranh nổi trội so với các ngân hàng khác, đặc biệt với mục tiêu trở thành Ngân hàng Số (Digital Bank) hàng đầu Việt Nam.

Bên cạnh việc thực hiện các mục tiêu trên, TPBank tiếp tục củng cố các yếu tố nền tảng như: Hệ thống quản trị rủi ro; Hệ thống thông tin quản trị, hạ tầng công nghệ; Kiện toàn bộ máy tổ chức và tăng cường nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng hoạt động toàn ngân hàng hướng tới nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ và nhận diện thương hiệu.

Nhận thức rõ mục tiêu nêu trên, Ban điều hành xin được đề xuất Kế hoạch kinh doanh năm 2018 và các chương trình hành động, giải pháp thực hiện nhằm đạt được các kế hoạch đã đề ra nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý điều hành và khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

1. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2018

Các mục tiêu tài chính cụ thể năm 2018 như sau:

Bảng 1 - Kế hoạch kinh doanh đến cuối năm 2018

Đơn vị tính: Tỷ đồng, khách hàng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Kế hoạch 2018	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	124.119	141.987	114,40%
2	Vốn điều lệ	5.842	8.533	146,06%
3	Tổng huy động	114.669	126.765	110,55%
	3.1 Tiền gửi khách hàng	73.780	96.447	130,72%
	3.2 Tiền gửi & vay của TCTD khác	38.261	27.690	72,37%
	3.3 Vốn tài trợ ủy thác	2.628	2.628	100,00%
4	Dư nợ cho vay và trái phiếu TCKT (*)	71.296	85.555	120,00%
	4.1 Cho vay khách hàng	64.007	74.621	116,50%
	4.2 Đầu tư trái phiếu TCKT	7.289	10.934	150,00%
5	Tỷ lệ nợ xấu	1,08%	<2%	
6	Lợi nhuận trước thuế (**)	1.206	2.000	165,88%
7	CAR	>9%	>9%	
8	ROE (***)	19,51%	23,33%	3,82%

(*) Kế hoạch dư nợ cho vay và đầu tư TPDN là 85.555 tỷ đồng, cần phải được NHNN chấp thuận

(**) Lợi nhuận trước thuế 2.000 tỷ đồng là lợi nhuận Ngân hàng riêng lẻ, chưa hợp nhất (nếu có). Dự kiến lợi nhuận hợp nhất trước thuế (nếu có) là 1.800 tỷ đồng.

(***) ROE = Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân năm

Như vậy, với kế hoạch đã đề ra, năm 2018 TPBank sẽ đạt quy mô tổng tài sản gần 142 nghìn tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế chưa hợp nhất 2.000 tỷ đồng; Tỷ lệ nợ xấu trong tầm kiểm soát và dưới 2%; Các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được đảm bảo, thanh khoản luôn tốt.

2. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

2.1 Về chiến lược kinh doanh

2.1.1 Hoạt động huy động

TPBank đặt kế hoạch huy động từ khách hàng đến cuối năm 2018 là 96.447 tỷ đồng, trên cơ sở thực hiện các chương trình sau:

- Tiếp tục phát triển & khai thác các phân khúc khách hàng đã định vị bao gồm: Phân khúc khách hàng đại chúng; Phân khúc khách hàng cao cấp; Phân khúc khách hàng Digital. Trong đó, chú trọng mở rộng số lượng khách hàng mới sử dụng sản phẩm ngân hàng số Digital Banking, khách hàng mới là khách hàng trả lương và khách hàng cao cấp.
- Đối với các khách hàng doanh nghiệp, thiết kế từng sản phẩm may đo phù hợp với nhu cầu khách hàng từng vùng miền. Đối với khách hàng ở các tỉnh tập trung đối tượng Khách hàng là các doanh nghiệp xây lắp, doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Đối với Khách hàng từng đặc khu sẽ tập trung khai thác các doanh nghiệp phụ trợ, du lịch, doanh nghiệp thương mại hàng tiêu dùng, doanh nghiệp ngành lúa gạo, phân bón, nông sản,... phù hợp từng địa bàn.
- Đối với Khối đầu tư, tập trung vào đối tượng khách hàng là các Doanh nghiệp Nhà nước (SOE), các tập đoàn kinh tế lớn mạnh, các Doanh nghiệp FDI, Công ty đa quốc gia. Tiếp cận một số ngành phát triển và có cơ hội khai thác như giao thông vận tải, xây dựng..., phát triển và khai thác sâu các Doanh nghiệp là nhà thầu, xây lắp để tăng thu phí dịch vụ và quản lý dòng tiền cho các doanh nghiệp này. Gia tăng việc sử dụng nhiều sản phẩm dịch vụ đối với khách hàng hiện hữu, tăng cường bán chéo các sản phẩm khác với Khối Ngân hàng Doanh nghiệp và Ngân hàng Cá nhân.
- Tiếp tục triển khai sáng kiến Ngân hàng số: Mở rộng mạng lưới các điểm giao dịch 24/7 LiveBank (mục tiêu 100 điểm); Đa dạng hóa các tính năng của LiveBank để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu tại chỗ của khách hàng; Hoàn thiện AI chat bot cho các hoạt động dịch vụ khách hàng; Triển khai dự án MBFM – hướng tới tập KH là hộ kinh doanh trên mạng xã hội, dự án KYC – xác thực khách hàng qua giao thức gián tiếp. Nâng cấp và tối ưu hóa ứng dụng của các hệ thống hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh: Hệ thống CRM giai đoạn 2; Hệ thống LOS; Hệ thống Qlik-Nprinting...
- Đa dạng sản phẩm thẻ, tài khoản, tiết kiệm: Xây dựng các gói sản phẩm để khai thác KH theo các phân khúc mục tiêu; Phát triển các sản phẩm mới trong đó tiêu biểu là Bancassurance và Đầu tư; Áp dụng quy trình quản lý, phát triển sản phẩm chặt chẽ về PnL theo hướng đa kênh – thống nhất.
- Hoàn thiện hệ thống CRM để phát triển quan hệ gắn bó với khách hàng, có những chính sách chăm sóc khách hàng hợp lý, hiệu quả.

2.1.2 Hoạt động tín dụng

Mục tiêu đến cuối năm 2018 dư nợ cho vay khách hàng dự kiến trình NHNN chấp thuận là 85.555 tỷ đồng. Định hướng phát triển dư nợ cho vay khách hàng như sau:

- Chú trọng đóng gói sản phẩm theo phân khúc khách hàng để hỗ trợ công tác khai thác khách hàng; Cải tiến nhóm các sản phẩm hiện tại để thỏa mãn cao hơn nhu cầu của KH theo hướng sáng tạo; Phát triển sản phẩm ngân hàng giao dịch (TB), LC, Bảo lãnh, sản phẩm tài trợ thương mại và các sản phẩm ngoại hối nhằm gia tăng thu nhập từ phí lãi.
- Ưu tiên phát triển các sản phẩm cho vay tín chấp, sản phẩm thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ quốc tế hướng đến tệp khách hàng mục tiêu số lượng lớn. Triển khai các sản phẩm tài chính tiêu dùng, phát triển các tiện ích đi kèm, gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Tiếp tục đa dạng hoá và hoàn thiện các chính sách khuyến khích bán sản phẩm Bancassurance, các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ dành cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân.
- Chú trọng tập trung cho vay khách hàng cá nhân vay mua nhà đất, nhà dự án theo các dự án mà TPBank có liên kết.
- Nghiên cứu và chuẩn bị điều kiện cần thiết để triển khai cho vay tài chính tiêu dùng và cho vay tín chấp tiêu dùng (Consumer Finance và unsecured loans).

- Tiếp tục đẩy mạnh cho vay để tăng quy mô, đặc biệt là cho vay vốn lưu động. Duy trì vị trí của sản phẩm cho vay ô tô và đại lý ô tô trên thị trường.
- Xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng toàn diện, tăng cường công tác bán chéo sản phẩm giữa các Khối.
- Đối với khách hàng doanh nghiệp lớn tập trung vào đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Xây dựng các sản phẩm phù hợp với đối tượng khách hàng mục tiêu để phát triển phân khúc khách hàng này. Tiếp cận một số ngành có tiềm năng phát triển và ít rủi ro, phát triển và khai thác một số thị trường ngách để tăng thu phí dịch vụ và quản lý dòng tiền cho các khách hàng này. Gia tăng việc sử dụng nhiều sản phẩm dịch vụ đối với khách hàng hiện hữu, tăng cường bán chéo các sản phẩm khác với Khối CB, RB.

2.1.3 Hoạt động nguồn vốn và quản lý vốn thanh khoản, hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ

- Tiếp tục cân đối nguồn vốn và cho vay liên ngân hàng, đảm bảo thanh khoản toàn hàng và tuân thủ đúng các tỷ lệ quy định của NHNN (dữ trữ bắt buộc, tỷ lệ thanh khoản,...) trên cơ sở tối đa nguồn huy động và hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo doanh số và mục tiêu kinh doanh nguồn vốn đã được ban lãnh đạo Ngân hàng giao.
- Giữ vững và phát triển quy mô vay liên ngân hàng: Giữ vững và phát triển quan hệ giao dịch với các định chế hiện tại và một số định chế tài chính, ngân hàng mới, phục vụ cho việc duy trì và mở rộng quy mô Thị trường 2.
- Theo dõi xu hướng lãi suất, CPI và các yếu tố vĩ mô khác để tìm kiếm cơ hội đầu tư trên thị trường khi thuận lợi.
- Xây dựng danh mục Trái phiếu Chính phủ, CDs, TP TCTD lãi suất tốt đảm bảo an toàn rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.
- Tham gia, đóng góp cho hoạt động phát triển thị trường, xây dựng các tiêu chuẩn thị trường như đường cong lãi suất chuẩn ngân hạn.
- Tập trung vào công tác huy động để đảm bảo khả năng thanh khoản hợp lý cho Ngân hàng, đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD.
- Tích cực tham gia thị trường ngoại hối, swap để trở thành top 10 các ngân hàng hoạt động trên thị trường ngoại hối, tham gia có hiệu quả trên thị trường ngoại hối quốc tế với các giao dịch G7.
- Tăng cường tự doanh Vàng để trở thành ngân hàng được yêu thích cung cấp dịch vụ vàng cho khách hàng cá nhân. Đẩy mạnh hoạt động bán Vàng và FXRB trên toàn hệ thống thông qua mở rộng hệ thống DDSP Chuyên trách và nhằm chiếm thị phần kinh doanh Vàng và FXRB trên khu vực dân cư.
- Phối hợp chặt chẽ với các Khối để tăng cường doanh số của các khách hàng hiện hữu, phối hợp khách hàng đã hoạt động chưa giao dịch và phát triển khách hàng mới. Nhằm mục tiêu đạt kế hoạch lợi nhuận FX Sales và doanh số mua bán ngoại tệ đạt 4 tỷ USD trong năm 2018.
- Phát triển các sản phẩm phái sinh lãi suất và tỷ giá để cung cấp giải pháp tài chính cho khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là các khách hàng doanh nghiệp lớn.

2.1.4 Hoạt động của mảng đầu tư và Ngân hàng lưu ký

- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm các tổ chức phát hành trái phiếu tín nhiệm với mức lãi suất hấp dẫn, đảm bảo tính thanh khoản trên thị trường.
- Tăng cường bán các sản phẩm của Ngân hàng đầu tư như Chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp.
- Triển khai bán sản phẩm Trái phiếu TPBank phát hành cho các đối tác tiềm năng và các đối tác TCTD khác.
- Thúc đẩy phát triển dịch vụ lưu ký, dịch vụ Đại lý Lưu ký và thanh toán, dịch vụ Đại lý Quản lý TSBĐ là cổ phiếu, giấy tờ có giá.
- Phát triển khách hàng mới, quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng lưu ký là các Công ty Quỹ và Quản lý Quỹ, nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại Việt Nam.
- Tăng cường hoạt động kiểm tra sau đầu tư; tiếp tục theo dõi, xử lý các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong hệ thống nhằm khai thác tối đa nhu cầu của tổ chức phát hành Trái phiếu.

2.1.5 Hoạt động định chế tài chính (FI)

- Mảng quan hệ khách hàng:
 - Tiếp tục mở rộng quan hệ RMA và quan hệ hạn mức với các đối tác ĐCTC nước ngoài kết hợp với việc sử dụng tích cực và hiệu quả các hạn mức này.

- Về phát triển Hợp tác quốc tế: chủ động tìm kiếm và phát triển đối tác.
- Tiếp tục phát triển dự án chuyển tiền SBIR để tăng TOI từ phí chuyển tiền
- Tiếp tục duy trì và tăng cường quan hệ với các ĐCTC trong nước để họ tiếp tục tăng hạn mức cho TPBank, đặc biệt là các hạn mức MM và TF.
- Nỗ lực trong việc tăng hạn mức TF từ các ngân hàng trong nước, đặc biệt từ các Big4 để tận dụng nguồn tiền từ các sản phẩm chủ đạo Trade loan và UPAS.
- Mạng chính sách, sản phẩm:
 - Xây dựng các sản phẩm tài trợ thương mại đặc thù phục vụ nhu cầu của các ĐVKD.
 - Tối ưu hóa việc sử dụng hạn mức TF từ các Định chế tài chính trong & ngoài nước và đẩy mạnh các sản phẩm TF.
- Mạng phân tích, chiến lược:
 - Phân tích định kỳ & quản lý hạn mức giao dịch giữa TPBank và các ĐCTC khác (HM MM, FX, Repo, Standby L/C...).
 - Báo cáo phân tích đối thủ cạnh tranh, hỗ trợ các bộ phận kinh doanh, đơn vị nội bộ liên quan đến số liệu tài chính/phi tài chính.
 - Xây dựng quy trình KYC khách hàng.

2.1.6 Quản lý rủi ro và kiểm soát, kiểm toán nội bộ

- Với định hướng phát triển bền vững, TPBank ưu tiên củng cố năng lực quản trị rủi ro chung toàn hàng, đặc biệt tập trung cảnh báo sớm rủi ro tín dụng toàn hệ thống, giám sát hoạt động tín dụng toàn hệ thống; áp dụng các mô hình, công nghệ tiên tiến trong quản lý tài sản Nợ - Có, quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường.
- Cải tiến mô hình thẩm định và phê duyệt tín dụng, xác định một số sản phẩm ưu tiên để chuyên môn hóa trong quá trình thẩm định/phê duyệt. Ứng dụng công nghệ trong công tác cập nhật, lưu trữ, xử lý hồ sơ, xét duyệt, kiểm soát sau vay. Kiểm soát rủi ro tín dụng theo hướng chuyên môn hóa phù hợp với đặc tính rủi ro của từng phân nhóm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tuân thủ nhằm phát hiện sớm các sai phạm, yêu cầu chỉnh sửa kịp thời, hạn chế rủi ro cho ngân hàng. Xây dựng hướng dẫn nhận biết khách hàng phục vụ công tác phòng chống rửa tiền.
- Hoàn thiện đội ngũ kiểm toán, kiểm soát nội bộ có năng lực, kinh nghiệm, đảm bảo tính độc lập. Thiết lập các cuộc kiểm tra tại các đơn vị hội sở và chi nhánh, tăng cường công tác kiểm toán theo chuyên đề, kiểm soát tốt tính tuân thủ quy trình và đạo đức cán bộ. Tăng cường công tác giám sát tuân thủ từ xa một cách có hiệu quả trên các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng, tham gia giải quyết dứt điểm các trường hợp khiếu nại tố cáo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho ngân hàng.
- Hoàn thiện việc rà soát văn bản tránh lỗ hổng trong quy trình, quy định vận hành tại các đơn vị. Đảm bảo hoạt động phát hành, thanh toán thẻ/eBank ổn định, an toàn và phát triển. Nâng cao chất lượng nhân sự, chất lượng dịch vụ và hạn chế rủi ro vận hành trong hoạt động giải ngân tín dụng. Đảm bảo hoạt động thanh toán thông suốt, không phát sinh rủi ro. Duy trì và nâng cao CLDV của DVKH, tiếp tục triển khai công tác cải tiến trên toàn hệ thống. Tăng cường công tác ngành dọc hành chính, văn thư, quản lý con dấu, quản lý tài sản.

2.2 Về chính sách nhân sự

Nâng cao chất lượng và số lượng ứng viên đầu vào, đảm bảo nhân sự được tuyển dụng phù hợp, đủ và kịp thời theo định biên và yêu cầu của các đơn vị (tổng Nhân sự tới 31/12/2018 dự kiến là 5.426 CBNV).

- Rà soát Quy trình tuyển dụng, hợp lý hóa các bước công việc, tăng tốc độ xử lý, tăng năng suất. Giảm thời gian xử lý tuyển dụng từ 15-20%.
- Xác định các kênh tìm kiếm nhân sự và phương thức thực hiện với mỗi kênh, triển khai theo phương thức đã được xác định. Phân tích hiệu quả của từng kênh với mỗi nhóm ứng viên, tăng cường thu hút nhân sự từ các tổ chức có uy tín, chất lượng cao.
- Đẩy mạnh việc quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ kế thừa trên cơ sở lộ trình phát triển đã được xây dựng. Phối hợp với các đơn vị liên quan, rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống ngân hàng để thi và tiến hành kiểm tra trước khi xem xét phỏng vấn bổ nhiệm chính thức.
- Kiểm soát chặt chẽ định biên nhân sự của các đơn vị, đặc biệt tại các đơn vị hỗ trợ, đảm bảo tăng năng suất và tối ưu hóa nguồn lực, cùng các đơn vị rà soát và xem xét kỹ cơ cấu tổ chức của đơn vị. Gắn chỉ tiêu định biên nhân sự với chỉ tiêu về hiệu quả (TOI/ Cán bộ) với đơn vị kinh doanh và chỉ tiêu năng suất với các đơn vị Back và Middle.

- Rà soát hệ thống đãi ngộ của Ngân hàng, đảm bảo có các điều chỉnh trên nguyên tắc công bằng nội bộ và cạnh tranh so với thị trường. Trên cơ sở các phân tích từ nguồn dữ liệu của Haygroup và Adeco, HR sẽ tiếp tục phối hợp với các đơn vị điều chỉnh mặt bằng lương ở các vị trí, đảm bảo nâng cao khả năng thu hút và giữ chân nhân sự.
- Triển khai đào tạo theo lộ trình đào tạo và lộ trình phát triển, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo tại Trung tâm Kinh doanh thực hành, đặc biệt đào tạo CBO. Triển khai dự án đào tạo Elearning cùng với các phương thức đào tạo truyền thống, chọn lọc kỹ và phối hợp với các đối tác có uy tín bên ngoài thực hiện một số chương trình đào tạo về chuyên môn và kỹ năng quản lý thực sự cần thiết. Đánh giá mức độ áp dụng kiến thức thông qua đào tạo của CBNV vào công việc, triển khai các sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này.
- Tăng cường công tác đào tạo pháp luật cho các cán bộ trên toàn hệ thống, thường xuyên cập nhật, đánh giá tác động các quy định pháp luật mới đối với hoạt động của ngân hàng, đẩy mạnh công tác phòng chống rửa tiền, phát huy vai trò kiểm soát phòng chống rửa tiền của Pháp chế trong các khâu vận hành. Thực hiện rà soát, xây dựng hệ thống đảm bảo tuân thủ FATCA.

2.3 Đầu tư phát triển công nghệ, hiện đại hóa NH

Tập trung hỗ trợ phát triển kinh doanh thông qua các dự án sản phẩm mới, tiếp tục nâng cấp hạ tầng đáp ứng việc tăng trưởng nhanh. Triển khai thành công dự án ngân hàng số trên cơ sở ứng dụng những giải pháp và kinh nghiệm thành công của những công ty hàng đầu trên thế giới. Hiện đại hóa công nghệ, hỗ trợ việc đưa ra các quyết định và kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường công tác an toàn thông tin, cụ thể thông qua các dự án sau:

- Tiếp tục triển khai dự án ngân hàng số theo mục tiêu trở thành Ngân hàng Số (Digital banking) hàng đầu Việt Nam;
- Triển khai dự án DCP, đây là một dự án trọng điểm giúp số hóa hoàn toàn quy trình phê duyệt tín dụng, giảm thời gian phê duyệt, chuẩn hóa chất lượng và giảm thiểu việc in ấn luân chuyển giấy tờ;
- Triển khai dự án DW2, chuẩn hóa tất cả các nguồn dữ liệu hiện có, trên cơ sở đó TPBank chủ động hơn trong việc phân tích dữ liệu, tạo các báo cáo, biểu đồ nhanh chóng, hỗ trợ việc kiểm soát và ra quyết định kinh doanh cũng như việc phân tích kiểm soát rủi ro;
- Quy hoạch mở rộng hệ thống hạ tầng đặc biệt là hệ thống lưu trữ đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh của kinh doanh;
- Tiếp tục triển khai ESB phase 2, triển khai dự án API nhằm chuẩn hóa và đơn giản hóa việc tích hợp các ứng dụng nội bộ cũng như các ứng dụng bên ngoài, các micro service;
- Phối hợp với khối QTRR, triển khai các dự án quản lý, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu theo Basel II, phòng chống thất thoát dữ liệu;
- Quản lý truy cập mạng nội bộ NAC và tập trung Internet toàn hàng;
- Tiếp tục cải tiến và tự động hóa việc giám sát hệ thống.

2.4 Phát triển sản phẩm, mạng lưới và hoạt động truyền thông

- Sản phẩm Khách hàng cá nhân: Tăng cường huy động vốn từ dân cư trên cả kênh truyền thống và kênh điện tử, thay đổi cơ cấu huy động để tăng nguồn vốn trung dài hạn, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo các tỷ lệ quy định của NHNN, trong khi vẫn đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Đóng gói và cá nhân hóa các nhóm sản phẩm theo từng phân khúc khách hàng dựa trên phân tích dữ liệu hành vi, dữ liệu nhân khẩu học khách hàng phù hợp với đặc điểm của từng kênh bán. Đóng gói và cá nhân hóa các nhóm sản phẩm theo từng phân khúc khách hàng dựa trên phân tích dữ liệu hành vi, dữ liệu nhân khẩu học khách hàng phù hợp với đặc điểm của từng kênh bán. Chú trọng phát triển các sản phẩm số - Digital Banking đáp ứng 3 nhóm nhu cầu chính của KHCCN: Thanh toán; Tiết kiệm và Cho vay. Phát triển mới và củng cố các sản phẩm thuộc nhóm Quản lý tài sản - Wealth management bao gồm: Sản phẩm Bảo hiểm và sản phẩm Đầu tư. Cải tiến nhóm các sản phẩm hiện tại để thỏa mãn cao hơn nhu cầu của KH theo hướng sáng tạo: Nhóm sản phẩm Tài khoản; Nhóm sản phẩm Tiền gửi; Nhóm sản phẩm Cho vay; Nhóm sản phẩm Thẻ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử eBank. Tập trung đẩy mạnh phát triển sản phẩm thu phí, tối ưu hóa danh mục phí của toàn bộ các sản phẩm dịch vụ hiện có dành cho khách hàng cá nhân.
- Sản phẩm Khách hàng doanh nghiệp: Bên cạnh việc duy trì sản phẩm ô tô đang phát triển tốt, tập trung thúc đẩy tăng trưởng CASA thông qua việc tăng số lượng doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trả lương và doanh nghiệp sử dụng tài khoản TPBank làm tài khoản thanh toán chính, gia tăng tiền gửi kỳ quỹ thông qua bán sản phẩm Bảo lãnh, LC. Tăng cường công tác bán chéo sản phẩm, đưa dòng tiền về TPBank, đẩy mạnh các sản phẩm thu phí, phát triển sản phẩm tài khoản trả lương, tăng cường chuyển dịch cơ cấu huy động vốn từ có kỳ hạn sang không kỳ hạn để nhằm giảm chi phí vốn.
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quan hệ công chúng để tăng cường độ nhận biết thương hiệu và quảng bá với thông điệp định danh TPBank là "DIGITAL BANK" - NGÂN HÀNG SỐ. Truyền thông sản phẩm với góc tiếp cận nghiêng nhiều về khách hàng. Triển khai các hoạt động nghiên cứu thị trường, khảo sát khách hàng và đối thủ cạnh tranh, từ đó hỗ trợ bộ phận phát triển sản phẩm đưa ra ý tưởng triển khai phù hợp.

- Trong năm 2018, TPBank sẽ hoàn tất việc xây dựng, mở mới đối với 04 chi nhánh (Bắc Ninh, Nam Định, Quận 1, Thủ Đức), 02 PGD (Cẩm Phả, Vinh) đã được NHNN chấp thuận thành lập mới trong năm 2017, cũng như tìm kiếm địa điểm thích hợp để xin phép NHNN cho thành lập mới 05 chi nhánh (Thái Nguyên, Lào Cai, Quảng Nam, Quận 2 – TP Hồ Chí Minh, Tiền Giang), 06 PGD (4 điểm tại các Quận 3, Quận 8, Quận 10, Quận 12 TP Hồ Chí Minh, Quận Ngô Quyền – TP Hải Phòng và Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng).
- Hoạt động truyền thông thương hiệu, marketing sản phẩm và các chương trình ưu đãi sẽ tiếp tục được đẩy mạnh, đưa TPBank đến gần hơn với khách hàng và định vị rõ nét hình ảnh TPBank trên thị trường.
- Với các chính sách phát triển sản phẩm, mạng lưới và truyền thông như trên, song hành với kết quả đã đạt được năm 2017, TPBank đặt mục tiêu gia tăng tỷ lệ Khách hàng hoạt động và sử dụng đa dịch vụ của Ngân hàng. Mạng lưới khách hàng sâu rộng là yếu tố vô cùng quan trọng giúp TPBank hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về quy mô và lợi nhuận được giao.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng, phân tích khách hàng để làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách giá, phí và lãi suất; Quan tâm tới tổng lợi ích mà khách hàng mang lại; Đẩy mạnh bán chéo sản phẩm, khuyến khích khách hàng sử dụng đa dạng các sản phẩm dịch vụ khác; Khai thác tối đa nhu cầu về sản phẩm dịch vụ từ các khách hàng hiện tại; Tăng số lượng sản phẩm/dịch vụ cung cấp cho một khách hàng thông qua đẩy mạnh hoạt động bán chéo; Phấn đấu đạt 2.000.000 khách hàng đến hết năm 2018, nâng tỷ lệ khách hàng có giao dịch (khách hàng active) lên 50%, nâng số lượng bình quân sản phẩm dịch vụ mỗi khách hàng sử dụng gấp 2 lần, nâng tỷ trọng CASA trên tổng huy động khách hàng đạt 20%.

I. KẾT LUẬN

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và định hướng kế hoạch năm 2018 của TPBank, với những định hướng đúng đắn, sáng suốt từ HĐQT cùng với năng lực quản lý điều hành của Ban điều hành, Ngân hàng đã đạt được những thành công nhất định trong hoạt động kinh doanh, đánh dấu tên tuổi trên thị trường tài chính trong và ngoài nước với quy mô Tổng tài sản, huy động vốn, dư nợ tín dụng tăng trưởng khá, đặc biệt là chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt vượt 155% kế hoạch cả năm, nhưng vẫn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn hoạt động tuân thủ các quy định của NHNN và các tổ chức định chế tài chính.

Bước sang năm 2018, với mục tiêu tiếp tục phát triển bền vững và hiệu quả, phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam với hoạt động bền vững, minh bạch; đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của hệ thống ngân hàng, TPBank tập trung rà soát nâng cao chất lượng nguồn lực đầu tư phục vụ những mục tiêu phát triển kinh doanh của ngân hàng. Rà soát hiệu quả hoạt động và tăng năng suất lao động các đơn vị trên toàn hệ thống, ưu tiên bổ sung nguồn nhân lực cho các hoạt động kinh doanh trực tiếp. Đặc biệt trong năm 2018, ngoài việc triển khai các chính sách kinh doanh đồng bộ, TPBank sẽ chú trọng thực hiện kỷ luật Ngân sách, quản lý hệ số chi phí hoạt động trên thu nhập thuần (C/I) của toàn hệ thống không được vượt quá mức phê duyệt của EXCO, TGD tại từng thời kỳ.

Với những chính sách đồng bộ nêu trên, Tổng giám đốc cùng Ban điều hành Ngân hàng tự tin chinh phục những mốc mục tiêu kinh doanh mới trong năm 2018, đưa TPBank lọt vào Top 10 các Ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam, không chỉ về quy mô mà còn về chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Điều hành;
- Lưu: VP; TC

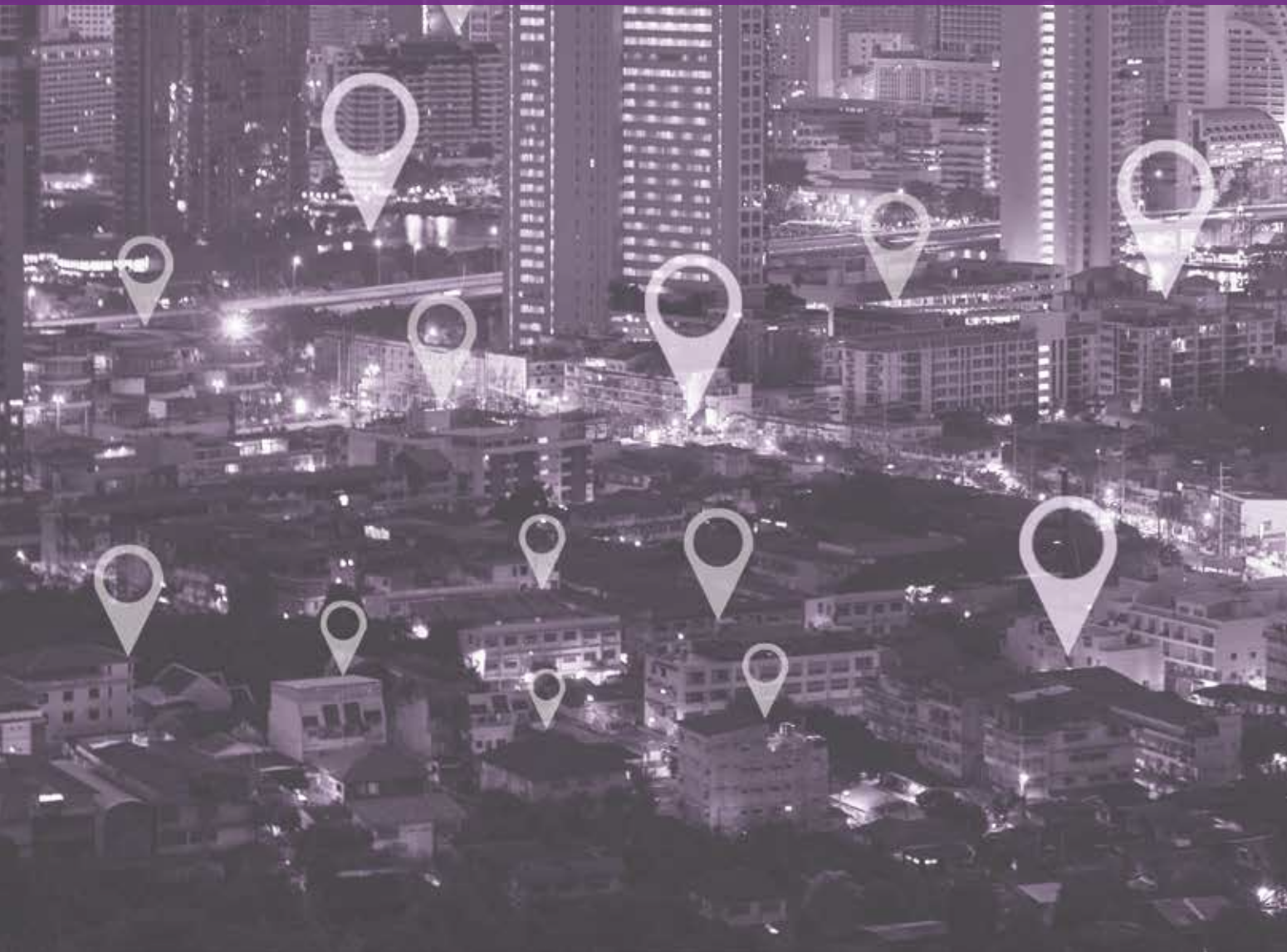
**TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN HƯNG



HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI



TRỤ SỞ CHÍNH

Tòa nhà TPBank, 57 Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

AN GIANG

• TPBank An Giang

Tòa nhà 204 - 204A đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, TP Long Xuyên

BÌNH DƯƠNG

• TPBank Bình Dương

Số 309A - 311 đại lộ Bình Dương, P.Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một

• TPBank Dĩ An

Số 1 Nguyễn An Ninh, khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BẮC NINH

• TPBank Bắc Ninh

302 Trần Hưng Đạo, Thành phố Bắc Ninh

CẦN THƠ

• TPBank Cần Thơ

Số 135 Trần Hưng Đạo, P.An Phú, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

• TPBank Bắc Cần Thơ

25 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐÀ NẴNG

• TPBank Đà Nẵng

Số 155 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng

• TPBank Bắc Đà Nẵng

353 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, Đà Nẵng

ĐỒNG NAI

• TPBank Đồng Nai

Số 264A, khu phố 2, đường Phạm Văn Thuận, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

• TPBank Biên Hòa

Số 97 Đường 30/4, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

KIÊN GIANG

• TPBank Kiên Giang

Số 154 - 156 - 158 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

HÀ NỘI

• TPBank Hoàn Kiếm

Số 38-40 Hàng Da, P. Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

• TPBank Nam Hà Nội

Số 236 Lê Thanh Nghị, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

• TPBank Hồ Gươm

26 Hàng Muối, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, HN

• TPBank Lê Ngọc Hân

Ruby Plaza, 44 Lê Ngọc Hân, Hai Bà Trưng, HN

• TPBank Hai Bà Trưng

300-302 Trần Khát Chân, Q. Hai Bà Trưng, HN

• TPBank Long Biên

Số 489 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên, Hà Nội

• TPBank Hà Nội

Tòa nhà TDL, 22 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

• TPBank Hà Thành

Tầng 1, nhà B tòa nhà số 2 Chùa Bộc, Q. Đống Đa, Hà Nội

• TPBank Trung Hòa - Nhân Chính

Tầng 1, tòa nhà 24 T1, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

• TPBank Ba Đình

37 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, Hà Nội

• TPBank Đống Đa

Lô 1-16 Dãy B, Khu Hoàng Cầu, Q. Đống Đa, Hà Nội

• TPBank Đông Đô

Tầng 1, tòa nhà LICOGI 13, Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, HN

• TPBank Thăng Long

129-131 Hoàng Quốc Việt, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

• TPBank Phạm Hùng

Tầng 0 - Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

• TPBank Mỹ Đình

Tầng 1 Tòa nhà MDComplex, KĐT Mỹ Đình 1, Phố Nguyễn Cơ Thạch, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

• TPBank Linh Đàm

Biệt thự 10BT1, KĐT Bắc Linh Đàm, Nguyễn Hữu Thọ, quận Hoàng Mai, Hà Nội

• TPBank Hoàng Mai

Tòa nhà Licogi 19, số 25 Tân Mai, P. Tân Mai, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

• TPBank Thành Đô

Tòa nhà số 7 Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội

• TPBank Tây Hà Nội

535 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

• TPBank Thanh Trì

Số 407-409 Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội

• TPBank Thanh Xuân

194 Lê Trọng Tấn, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

• TPBank Hà Đông

38A Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội

• TPBank Chiến Thắng

139E + 139G Chiến Thắng, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội

HẢI PHÒNG

• TPBank Hải Phòng

Số 8-10 Cầu Đất, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

• TPBank Tô Hiệu

Số 312 Tô Hiệu, Quận Lê Chân, Hải Phòng

HỒ CHÍ MINH

• TPBank Hồ Chí Minh

456A Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Nguyễn Oanh

112-114 Nguyễn Oanh, P. 7, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Cộng Hòa

73 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Gia Định

481-483 Bạch Đằng, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Bình Tây

224 Hải Thượng Lãn Ông, P. 14, Q. 5, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Tây Sài Gòn

290 Lành Bình Thăng, P. 11, Q. 11, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Tân Bình

301 Nguyễn Văn Trỗi, P. 1, Q. Tân Bình, TP. HCM

• TPBank Tân Phú

623 Lũy Bán Bích, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Sài Gòn

164B-166 Lê Hồng Phong, P. 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Phú Mỹ Hưng

D204-D205, Lô R19-1 - Khu phố Mỹ Toàn 3, P. Tân Phong, Quận 7, TP.HCM

• TPBank Bến Thành

180 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Hùng Vương

Số 32A Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Cửu Long

Số 445 đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

• TPBank Bình Thạnh

81 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

• TPBank Quận 4

9-11 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP Hồ Chí Minh

• TPBank Hóc Môn

1/1-1/2, Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Mỹ Tây, xã Trung Chánh, H. Hóc Môn, TP.HCM

• TPBank Bình Chánh

A22/5 Quốc lộ 50, Bình Hưng, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

• TPBank Thủ Đức

190 Đặng Văn Bi, Khu Phố 1, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

QUẢNG NINH

• TPBank Quảng Ninh

Tầng 1 tòa nhà Hạ Long DC, số 8 đường 25/4, P. Hồng Gai, TP. Hạ Long

• TPBank Cẩm Phả

749-751 Trần Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

NGHỆ AN

• TPBank Nghệ An

Lô 12, cụm CT1 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

• TPBank Vinh

140 Đại lộ Lê Nin, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

ĐẮK LẮK

• TPBank Đắk Lắk

Số 56 - 58 Y Jút, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

KHÁNH HOÀ

• TPBank Nha Trang

Số 9F Lê Thánh Tôn, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

THANH HOÁ

• TPBank Thanh Hóa

Lô 13,14 Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa



DANH SÁCH NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

UNITED STATES

- Wells Fargo Bank, N.A, New York International Branch
- JPMorgan Chase Bank, N.A
- CitiBank, N.A
- Woori America Bank
- Woori Bank, New York
- Bank of New York Mellon, HO
- Industrial & Commercial Bank of China
- Shinhan Bank
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, NY Branch
- BNP Paribas, New York Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, New York branch
- Habib American Bank, HO
- Woori America Bank, Los Angeles
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Los Angeles Branch
- Wells Fargo Bank, N.A
- Wells Fargo Bank, N.A
- International Finance Corporate
- Toronto Dominion Bank USA NA
- First Bank
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Chicago Branch

ITALY

- UniCredit S.P.A
- CitiBank, N.A
- Intesa Sanpaolo SPA Head Of Office
- Commerzbank AG
- Industrial & Commercial Bank of China, Milan Branch
- Banca Valsabbina S.C.P.A, HO
- Banca Popolare di Sondrio
- Banca Popolare dell'Emilia Romagna (BPER Banca), HO
- UBI Banca, HO

SINGAPORE

- Unicredit Bank AG Singapore Branch (HypovereinsBank AG Singapore Branch)
- United Overseas Bank Ltd. Head Of Office
- JPMorgan Chase Bank, N.A. Singapore Branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Singapore Branch
- Skandinaviska Enskilda Banken AB (PUBL). Singapore Branch
- Mizuho Bank, Ltd. Singapore Branch
- CitiBank, N.A. Singapore Branch
- Industrial & Commercial Bank of China
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Singapore Branch
- BNP-Paribas SA (formerly Banque Nationale de Paris)
- Singapore Branch
- RHB Banking Group, Singapore Branch
- Raiffeisen Bank International AG, Singapore branch
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd, Singapore branch
- DBS Bank, HO
- KBC Bank, Singapore Branch
- Landesbank Baden-Wuerttemberg, Singapore branch
- Wells Fargo Bank, Singapore branch

GERMANY

- Deutsche Bank AG
- BHF-BANK Aktiengesellschaft
- Vietinbank, German Branch
- Landesbank Baden-Wuerttemberg
- Unicredit Bank AG (HypovereinsBank)
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Duesseldorf Branch
- WGZ Bank AG (Westdeutsche Genossenschafts-Zentral Bank), HO
- KBC Bank, Duesseldorf Branch
- Bremer Kreditbank AG, HO

CHINA

- Wells Fargo Bank, N.A, Shanghai Branch
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Shanghai branch
- Bank of Communications, HO

- KBC Bank, Shanghai Branch
- Industrial & Commercial Bank of China, Head Office
- China Construction Bank Corporation
- Shinhan Bank China Limited
- Kookmin Bank (China) Limited
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Beijing branch
- Postal Saving Bank of China, HO
- Jiangsu Zijin Rural Commercial bank, HO
- Bank of Jiangsu, HO
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Guangzhou branch
- Bank of Guiyang
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Tianjin branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Suzhou branch
- Industrial Bank Co., Ltd
- Chengdu Rural Commercial Bank
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Shenzhen branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation China Limited, Hangzhou branch

UNITED KINGDOM

- Wells Fargo Bank, N.A., London Branch
- Bank of New York Mellon, London Branch
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Citibank N.A
- Standard Chartered Bank Ltd
- JPMorgan Chase Bank, N.A (European Headquarters)
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, London Branch
- KEB Hana Bank, London branch
- KBC Bank, London Branch
- First City Monument Bank, London branch
- Kookmin Bank International Ltd.

HONG KONG

- Wells Fargo Bank, N.A., Hongkong Branch
- Skandinaviska Enskilda Banken AB
- Svenska Handelsbanken HongKong Branch
- Unicredit Bank AG HongKong Branch (Hypovereinsbank HongKong)
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, HongKong Branch
- China Minsheng Banking Corp., Ltd., Hongkong branch
- Erste Bank Der Oesterreichischen Sparkassen AG, Hongkong branch
- KBC Bank, Hongkong Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Hongkong branch

SPAIN

- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Madrid Branch
- CaixaBank, S.A

ARGENTINA

- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Buenos Aires Branch

SWEDEN

- Skandinaviska Enskilda Banken
- Svenska Handelsbanken HO

JAPAN

- Wells Fargo Bank, N.A., Tokyo Branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation
- Mizuho Bank, Ltd
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Resona Bank Ltd.

- China Construction Bank - Japan Branch
- Kookmin Bank, Tokyo branch
- Banco Do Brasil SA, Tokyo branch
- BNP-Paribas SA (formerly Banque Nationale de Paris) Tokyo Branch
- Citibank, Tokyo Branch
- Towa Bank Ltd

KOREA

- Wells Fargo Bank, N.A., Seoul Branch
- Woori Bank, Seoul
- KEB Hana Bank, HO
- Industrial & Commercial Bank of China, Seoul Branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Seoul Branch
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Busan Bank
- Kookmin Bank
- Suhyup Bank - National Federation of Fisheries Cooperatives
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Seoul branch
- Shinhan Bank, HO
- Daegu Bank Ltd.

THAILAND

- JBangkok Bank Public Company Limited
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, Bangkok Branch
- Siam Commercial Bank
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Bangkok branch

PHILIPPINES

- Mizuho Bank, Ltd., Manila Branch
- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Manila Branch

INDONESIA

- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Jakarta Branch

MALAYSIA

- Public Bank Bhd
- Mizuho Bank (Malaysia) Berhad
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Labuan Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Labuan branch
- Maybank, HO
- UOB, Malaysia Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation Malaysia Berhad
- RHB Banking Group, HO

FRANCE

- Bayerische Hypo-Und VereinsBank Paris
- BNP-Paribas SA (formerly Banque Nationale de Paris) Head Of Office
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Paris Branch
- KBC Bank, Paris Branch

AUSTRALIA

- Australia and New Zealand Banking Group Ltd
- Mizuho Bank, Ltd. Sydney Branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Sydney Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Sydney branch
- Commonwealth Bank, HO
- National Australia Bank, HO

CHILE

- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Santiago Branch

INDIA

- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Mumbai Branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, New Delhi Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, New Delhi branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Bangalore Branch
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Chennai Branch
- Indian Overseas Bank, HO

TAIWAN

- Wells Fargo Bank, N.A., Taipei Branch
- CitiBank Taiwan Ltd.
- Mizuho Bank, Ltd., Taipei Branch
- Shanghai Commercial & Savings Banking, Ltd
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, Taipei Branch
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Taipei branch

DENMARK

- Citibank International PLC

CZEK REPUBLIC

- Citibank Europe Plc, Organizacni Slozka
- Unicredit Bank Czech Republic and Slovakia, A.S
- Cseka Sportelna Bank HO

NORWAY

- Citibank International PLC, Norway Branch

HUNGARY

- Citibank Europe Plc, Hungarian branch

SOUTH AFRICA

- Citibank South Africa

LUXEMBOURG

- Banque Internationale A Luxembourg S.A
- Industrial & Commercial Bank of China (Europe) Luxembourg
- Industrial and Commercial Bank of China, Luxembourg branch

ISRAEL

- Bank Leumi Le Israel B.M

BELGIUM

- KBC Bank NV
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, Brussels Branch
- BNP Paribas Fortis NA/SV
- CBC Banque

SLOVENIA

- Hypo Alpe-Adria-Bank D.D.
- UNICREDIT BANKA SLOVENIJA D.D.

RUSSIA

- Zao CitiBank, Moscow
- Industrial & Commercial Bank of China (Moscow)
- Unicredit Bank AO

SRI LANKA

- MCB Bank Limited

PAKISTAN

- Habib Metropolitan Bank Ltd
- Industrial & Commercial Bank of China, Karachi Branch

UNITED ARAB

- Industrial & Commercial Bank of China Ltd, Dubai (DIFC) Branch

EMIRATES

- Habib Bank AG Zurich, Dubai UAE
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, Abu Dhabi AE

UKRAINE

- UkrsofsBank

BAHRAIN

- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, Bahrain Branch

SOLOMON ISLANDS

- Australia and New Zealand Banking Group Ltd

FIJI

- Australia and New Zealand Banking Group Ltd

AUSTRIA

- Raiffeisen Bank International AG
- Erste Group Bank AG, HO
- Erste Bank Der Oesterreichischen Sparkassen AG, HO

SERBIA

- Unicredit Bank SRBIJA A.D.

BOSNIA & HERZEGOVINA

- Unicredit Bank

CAMBODIA

- Kookmin Bank Cambodia Plc.
- Osk Indochina Bank Limited

MYANMAR

- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Yangon branch

TURKEY

- Turkiye Is Bankasi AS, HO

ROMANIA

- Unicredit Tiriac Bank SA

PORTUGAL

- Caixa Geral de Depósitos, S.A.

NETHERLANDS

- GarantiBank International N.V.
- KBC Bank, Rotterdam Branch

LITHUANA

- Siauliu Bankas AB, HO

EGYPT

- Ahli United Bank, HO

SWITZERLAND

- Habib Zurich AG, HO

IRELAND

- Bank of America, N.A, Dublin branch

GUINEA

- United Bank of Africa, Guinea Branch


VIETNAM

- Military Commercial Joint Stock Bank
- Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam
- Joint Stock Commercial Bank for Investment & Development of Vietnam
- Vietnam Technological & Commercial Joint Stock Bank
- Petrolimex Group Commercial Joint Stock Bank
- An Binh Commercial Joint Stock Bank
- Vietnam Bank for Agriculture & Rural Development
- Sai Gon - Ha Noi Commercial Joint Stock Bank
- Australia and New Zealand Bank (Vietnam) Limited
- DongA Bank
- Sai Gon Thuong Tin Commercial JS Bank SacomBank)
- Hochiminh City Development Joint Stock Commercial Bank
- Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank
- Orient Commercial Joint Stock Bank
- BaoViet Joint Stock Commercial Bank
- Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
- Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank
- Vietnam International Commercial Joint Stock Bank
- Saigon Commercial Bank (SCB)
- Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry & Trade
- Asia Commercial Bank
- Vietnam Public JSC Bank (PVCOMBANK)
- Vietnam Export Import Commercial JSB
- National Citizen Joint Stock Bank
- Viet Capital Commercial JSB
- Vietnam Prosperity JSC Bank
- Vietnam Maritime Commercial Stock Bank
- Nam A Commercial Joint Stocj Bank
- Kien Long Commercial Joint Stock Bank
- Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank
- Saigon Bank for Industry and Trade, HO
- Indovina Bank, HO
- Woori Bank, Hanoi
- Woori Bank, HochiMinh
- Hua Nan Commercial Bank, Ltd, HCMC Branch
- China Construction Bank Corporation, HCMC Branch
- United Overseas Bank Ltd. HCMC Branch
- BNP-Paribas SA (formerly Banque Nationale de Paris)
- Ho Chi Minh city Branch
- CitiBank N.A.
- Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
- Industrial & Commercial Bank of China, Hanoi Branch
- Mizuho Bank, Ltd, Hanoi Branch
- Bank of Tokyo Mitsubishi UFG, Hanoi Branch
- Industrial Bank of Korea, Vietnam
- Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, LTD, HCMC Branch
- Deutsche Bank, HCMC Branch
- VIETNAM RUSSIA JOINT VENTURE BANK
- Hong Leong Bank Vietnam Ltd
- Hana Bank, HCMC Branch
- Maybank, Hanoi Branch
- Bank of China, HCMC branch
- Kookmin Bank, Ho Chi Minh city branch
- Shinhan Bank Vietnam Limited
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Ho Chi Minh city branch
- Commonwealth Bank, HCMC branch
- Bank Sinopac, Ho Chi Minh city branch
- KEB Hana Bank, HCMC Branch



annual report 2017

NGÂN HÀNG TMCP TIÊN PHONG

 1900 58 58 85 | (84 4) 37 683 683 | www.tpb.vn